

Số: /HD-BVHTTDL

Hà Nội, ngày tháng 5 năm 2026

HƯỚNG DẪN

Thực hiện các nội dung thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030

Phần thứ nhất

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

I. CƠ SỞ HƯỚNG DẪN

1. Kết luận số 65-KL/TW ngày 30/10/2019 của Ban Chấp hành Trung ương về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về công tác dân tộc trong tình hình mới;

2. Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18/11/2019 của Quốc hội phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030;

3. Nghị quyết số 257/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035 (Chương trình mục tiêu quốc gia);

4. Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia (Nghị định số 358/2025/NĐ-CP);

5. Quyết định số 417/QĐ-BNNMT ngày 31/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030 (Quyết định số 417/QĐ-BNNMT).

II. PHẠM VI ÁP DỤNG

Hướng dẫn này hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ trong tổ chức triển khai các nội dung, nhiệm vụ thuộc nội dung thành phần của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030 do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì hướng dẫn và triển khai thực hiện.

III. NGUYÊN TẮC THỰC HIỆN

Việc triển khai các nội dung, nhiệm vụ của Chương trình cần bám sát các nguyên tắc tại Điều 4 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP và tập trung vào các định hướng trọng tâm sau:

1. Căn cứ điều kiện thực tế, nhu cầu của địa phương và đặc điểm văn hóa của từng vùng, từng dân tộc để chủ động lựa chọn nội dung, mô hình triển khai phù hợp. Các cơ quan trung ương tập trung hướng dẫn chuyên môn, theo dõi, tổng hợp và hỗ trợ địa phương trong quá trình thực hiện.

2. Trong quá trình triển khai, cần phát huy vai trò chủ thể của người dân và cộng đồng theo phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát và dân thụ hưởng”; khuyến khích sự tham gia, đóng góp tự nguyện của tổ chức, cá nhân và cộng đồng phù hợp với điều kiện thực tế.

3. Ưu tiên xem xét bố trí nguồn lực cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, địa bàn đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, đặc khu, an toàn khu; đồng thời quan tâm các dân tộc thiểu số còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù và các giá trị văn hóa truyền thống có nguy cơ mai một, xuống cấp cần được bảo tồn, phục hồi kịp thời.

4. Trong quá trình xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện, địa phương nên chủ động rà soát, lồng ghép các nguồn lực từ các chương trình, dự án và nguồn vốn hợp pháp khác nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư; hạn chế tình trạng trùng lặp nội dung hỗ trợ hoặc phân tán nguồn lực.

5. Khuyến khích gắn hoạt động bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống với phát triển du lịch cộng đồng, tạo sinh kế và phát triển kinh tế - xã hội theo hướng bền vững; đồng thời cần lưu ý giữ gìn tính nguyên bản, đặc trưng văn hóa của cộng đồng.

6. Khuyến khích tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý, lưu trữ dữ liệu, theo dõi kết quả thực hiện và quảng bá giá trị văn hóa truyền thống; đồng thời chú trọng tính công khai, minh bạch và hiệu quả trong quá trình sử dụng nguồn lực.

Phần thứ hai

TỔ CHỨC TRIỂN KHAI NỘI DUNG HỢP PHẦN THỨ NHẤT

NỘI DUNG THÀNH PHẦN 02:

Nội dung 09: Hiện đại hóa hệ thống truyền thanh xã để cung cấp thông tin thiết yếu đến người dân (bao gồm thiết lập mới đài truyền thanh xã; nâng cấp hoạt động của đài truyền thanh xã; mở rộng cụm thu phát thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông đối với các thôn). Tập trung, ưu tiên hỗ trợ đầu tư cho các xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, an toàn khu, biên giới và hải đảo

1. Phạm vi địa bàn thực hiện

Thực hiện tại khu vực nông thôn; ưu tiên các xã, thôn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, địa bàn đặc biệt khó khăn, vùng biên giới, hải đảo, an toàn khu và các khu vực có điều kiện tiếp cận thông tin còn hạn chế theo Quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

2. Nội dung thực hiện

- Thiết lập mới đài truyền thanh đối với các xã chưa có đài truyền thanh;
- Nâng cấp hoạt động của đài truyền thanh xã để đáp ứng nhu cầu cung cấp thông tin thiết yếu:

- + Mở rộng cụm thu phát thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông đối với các thôn;

- + Thay thế cụm loa có dây, không dây FM bị hỏng, không còn sử dụng được sang cụm thu phát thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông.

- Mở rộng hệ thống truyền thanh cấp xã ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông theo quy định tại Thông tư số 24/2025/TT-BVHTTDL ngày 30/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về hệ thống truyền thông cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin viễn thông.

3. Nguyên tắc, tiêu chí ưu tiên

- Thiết lập mới đài truyền thanh đối với xã chưa có đài truyền thanh;
- Nâng cấp hoạt động của đài truyền thanh xã.

Phần thứ ba

TỔ CHỨC TRIỂN KHAI CÁC NỘI DUNG HỢP PHẦN THỨ HAI

I. NỘI DUNG THÀNH PHẦN 01: ĐẦU TƯ XÂY DỰNG, HOÀN THIỆN CƠ SỞ HẠ TẦNG ĐẶC THÙ VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI

Nội dung 04: Đầu tư xây dựng, cải tạo thiết chế văn hóa, thể thao và đầu tư trang thiết bị tại các thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; phục hồi, bảo tồn, phát huy giá trị các công trình kiến trúc tiêu biểu của các dân tộc thiểu số; tu bổ, tôn tạo, chống xuống cấp các di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia có giá trị tiêu biểu của các dân tộc thiểu số; xây dựng mô hình bảo tàng sinh thái vùng đồng bào dân tộc thiểu số; bảo tồn không gian văn hóa làng, bản, buôn truyền thống của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch cộng đồng

1. Bảo tồn và phát huy không gian văn hóa làng, bản, buôn, phum, sóc... (Làng, bản, buôn) văn hoá truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số

1.1. Phạm vi và đối tượng thực hiện

- Làng, bản, thôn, buôn tiêu biểu của đồng bào dân tộc thiểu số còn lưu giữ tương đối đầy đủ cấu trúc không gian cư trú, cảnh quan, kiến trúc và sinh hoạt văn hóa truyền thống;

- Không gian văn hóa có giá trị tiêu biểu, đại diện bản sắc văn hóa dân tộc, có nguy cơ mai một, biến đổi hoặc suy giảm giá trị;
- Địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; địa bàn đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, đặc khu, an toàn khu;
- Địa bàn có điều kiện phát huy giá trị văn hóa phục vụ giáo dục truyền thống, phát triển sinh kế, du lịch cộng đồng theo hướng bền vững.

1.2. Tiêu chí làm cơ sở xác định đối tượng ưu tiên

Căn cứ Thông tư số 03/2026/TT-BVHTTDL ngày 16/3/2026 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Thông tư số 03/2026/TT-BVHTTDL), các địa phương rà soát và ưu tiên lựa chọn các đối tượng có một số đặc điểm sau:

- Có giá trị tiêu biểu, thể hiện bản sắc văn hóa đặc trưng của dân tộc và cộng đồng;
- Còn bảo lưu tương đối nguyên vẹn không gian cư trú, kiến trúc, cảnh quan và các yếu tố văn hóa truyền thống;
- Có nguy cơ mai một, xuống cấp hoặc chịu tác động từ quá trình đô thị hóa, di cư, thay đổi sinh kế;
- Có sự đồng thuận, tham gia của cộng đồng và chính quyền địa phương trong bảo tồn, phát huy giá trị;
- Có khả năng gắn với phát triển du lịch cộng đồng, tạo sinh kế bền vững;
- Ưu tiên đối tượng chưa được hỗ trợ từ chương trình, dự án khác có cùng nội dung trong cùng giai đoạn.

1.3. Nội dung thực hiện

- Đề nghị các địa phương căn cứ nội dung hướng dẫn nghiệp vụ tại Phụ lục III Thông tư số 03/2026/TT-BVHTTDL và các quy định có liên quan để triển khai.
- Địa phương chủ động xây dựng lộ trình, xác định nhiệm vụ ưu tiên, bố trí nguồn lực và phương án thực hiện; đồng thời phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trong rà soát đối tượng, địa điểm, nội dung đầu tư và nội dung chuyên môn.

1.4. Tổ chức thực hiện

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao cơ quan chuyên môn về văn hóa chủ trì tham mưu tổ chức rà soát, lựa chọn, lập phương án bảo tồn và phát huy giá trị không gian văn hóa truyền thống theo quy định;
- Khuyến khích và tạo điều kiện để cộng đồng dân cư phát huy vai trò chủ thể, tham gia trực tiếp đối với phương án bảo tồn, khai thác và giám sát quá trình thực hiện;
- Khuyến khích doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư, khai thác, phát huy giá trị không gian văn hóa theo quy định của pháp luật.

2. Phục hồi, bảo tồn, phát huy giá trị các công trình kiến trúc tiêu biểu của các dân tộc thiểu số

2.1. Đối tượng bảo tồn, phục hồi

- Nhà ở và công trình kiến trúc truyền thống (nhà dài, nhà rông, nhà sàn, nhà trình tường, nhà đất, nhà gỗ và các loại hình kiến trúc truyền thống tương tự);

- Công trình công cộng, tín ngưỡng, tôn giáo và không gian sinh hoạt cộng đồng (đình, đền, miếu, nhà cộng đồng và các thiết chế văn hóa liên quan);

- Cụm kiến trúc, quần thể làng, bản, buôn còn bảo lưu các yếu tố kiến trúc truyền thống;

- Ưu tiên các công trình có giá trị tiêu biểu, độc đáo, có nguy cơ xuống cấp, mai một hoặc thuộc địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn, biên giới, đặc khu;

Đối với công trình đã được xếp hạng di tích hoặc thuộc cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo, việc bảo tồn, tu bổ, phục hồi thực hiện theo quy định chuyên ngành có liên quan.

2.2. Nguyên tắc thực hiện

- Trong quá trình phục hồi, cần lưu ý ưu tiên việc giữ gìn tối đa các giá trị văn hóa gốc của công trình (kiến trúc, vật liệu, kỹ thuật xây dựng, không gian văn hóa) phù hợp với phong tục, tập quán và tri thức văn hóa tại địa phương;

- Cộng đồng là chủ thể, được ưu tiên tham gia trực tiếp vào quá trình bảo tồn, phục hồi, quản lý và khai thác;

- Gắn bảo tồn với phát huy giá trị, cải thiện điều kiện sống và phát triển sinh kế theo hướng bền vững; không thương mại hóa hoặc làm sai lệch giá trị kiến trúc truyền thống;

- Ưu tiên sử dụng vật liệu truyền thống, vật liệu tại chỗ; việc áp dụng vật liệu, kỹ thuật mới phải bảo đảm không làm thay đổi giá trị truyền thống;

- Bảo đảm tính đa dạng, đặc trưng riêng của từng loại hình kiến trúc, không áp dụng mô hình cứng nhắc;

- Chú trọng thực hiện tốt tính công khai, minh bạch trong việc huy động và sử dụng các nguồn lực;

- Không phục hồi, cải tạo theo hướng mô phỏng, cách điệu hoặc thay đổi đặc trưng kiến trúc truyền thống làm mất tính xác thực của công trình;

- Việc bảo tồn, phục hồi phải có sự tham gia và đồng thuận của cộng đồng cư dân, người am hiểu văn hóa truyền thống, nghệ nhân hoặc chủ thể văn hóa tại địa phương.

2.3. Nội dung bảo tồn, phục hồi và phát huy

- Bảo tồn, tu bổ, phục hồi công trình theo đúng đặc trưng kiến trúc truyền thống;

- Bảo tồn kỹ thuật xây dựng, tri thức dân gian; huy động nghệ nhân, thợ thủ công tham gia;

- Bảo vệ cảnh quan, môi trường văn hóa và không gian kiến trúc liên quan;
- Cải thiện điều kiện sử dụng theo hướng bảo đảm an toàn, vệ sinh, phòng cháy chữa cháy, khả năng sử dụng thiết yếu nhưng không làm thay đổi cấu trúc và giá trị kiến trúc truyền thống;
- Xây dựng hệ thống nhận diện, giới thiệu, thuyết minh phục vụ bảo tồn và phát huy;
- Ưu tiên sử dụng nghệ nhân, thợ truyền thống, vật liệu địa phương và tri thức bản địa trong quá trình bảo tồn, phục hồi;
- Ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong lưu trữ, quản lý, giám sát và quảng bá.

2.4. Trình tự, thủ tục đầu tư, xây dựng, bảo tồn, tu bổ, phục hồi được thực hiện theo pháp luật về đầu tư công, xây dựng, di sản văn hóa và quy định pháp luật khác có liên quan. Về nghiệp vụ chuyên môn, cơ quan chủ trì tham khảo các bước sau để đảm bảo chất lượng bảo tồn:

- Điều tra, khảo sát, kiểm kê, đánh giá hiện trạng và giá trị công trình;
- Lập hồ sơ, xây dựng phương án bảo tồn, phục hồi;
- Thẩm định, phê duyệt theo quy định của pháp luật có liên quan;
- Tổ chức triển khai thực hiện theo phương án được phê duyệt;
- Nghiệm thu, bàn giao, đưa vào quản lý, khai thác và sử dụng.

Việc lập, thẩm định, phê duyệt và triển khai thực hiện dự án tuân thủ quy định của pháp luật có liên quan.

2.5. Tổ chức thực hiện

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức rà soát, lập danh mục, phê duyệt và triển khai các nhiệm vụ bảo tồn, phục hồi công trình kiến trúc trên địa bàn;
- Cơ quan chuyên môn về văn hóa chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn, thẩm định và theo dõi thực hiện;
- Khuyến khích huy động sự tham gia của chuyên gia, nghệ nhân và người nắm giữ tri thức trong cộng đồng, doanh nghiệp và các tổ chức có liên quan.

3. Đầu tư xây dựng, cải tạo thiết chế văn hóa, thể thao và đầu tư trang thiết bị tại các thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

3.1. Đối tượng và tiêu chí ưu tiên hỗ trợ

- Thôn, bản và các đơn vị tương đương (sau đây gọi chung là thôn) thuộc xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo danh mục được cấp có thẩm quyền phê duyệt;
- Ưu tiên thôn chưa có Nhà văn hóa - Khu thể thao hoặc đã có nhưng xuống cấp, không còn khả năng sử dụng;
- Ưu tiên thôn có phong trào hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao thường xuyên, có nhu cầu khai thác, sử dụng hiệu quả sau đầu tư.

3.2. Nguyên tắc thực hiện

- Về mặt kiến trúc và không gian, khuyến nghị các địa phương nghiên cứu sao cho phù hợp với đặc trưng văn hóa của từng dân tộc, từng vùng;
- Một thiết chế được sử dụng đa mục đích (văn hóa, thể thao, thông tin, giáo dục, sinh hoạt cộng đồng, du lịch...);
- Đáp ứng nhu cầu thực tiễn, do cộng đồng quản lý, khai thác và thụ hưởng;
- Cơ quan thực hiện cần tập trung nguồn lực đầu tư có trọng tâm, tránh tình trạng dàn trải, thiếu hiệu quả;
- Bảo đảm khả năng vận hành, duy tu, khai thác lâu dài;
- Gắn hoạt động của thiết chế với bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống;
- Việc hỗ trợ phải bảo đảm đúng đối tượng, công khai, minh bạch và hiệu quả.

3.3. Nội dung hỗ trợ

- Xây dựng mới Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn;
- Cải tạo, nâng cấp Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn đã xuống cấp;
- Hỗ trợ trang thiết bị phục vụ hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao phù hợp với quy mô và chức năng của thiết chế.

Lưu ý: Đối với xây dựng mới, cải tạo: được triển khai căn cứ trên các dự án đã được phê duyệt và áp dụng theo các quy định hiện hành về đầu tư, xây dựng; Đối với hỗ trợ trang thiết bị, dụng cụ thể thao: thực hiện mua sắm theo quy trình mua sắm hiện hành, phù hợp định mức, tiêu chuẩn.

3.4. Căn cứ thực hiện

- Thông tư số 06/2011/TT-BVHTTDL ngày 08/3/2011 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định mẫu về tổ chức, hoạt động và tiêu chí của Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn;

- Thông tư số 05/2014/TT-BVHTTDL ngày 30/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung Điều 6 của Thông tư số 12/2010/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2010 quy định mẫu về tổ chức, hoạt động và tiêu chí của trung tâm văn hóa - thể thao xã và Thông tư số 06/2011/TT-BVHTTDL ngày 08/3/2011 quy định mẫu về tổ chức, hoạt động và tiêu chí của Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn;

- Áp dụng theo quy định tại Điều 4, Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 11 Định mức sử dụng đất xây dựng cơ sở văn hóa, cơ sở y tế, cơ sở giáo dục và đào tạo, cơ sở thể dục thể thao được ban hành kèm theo Thông tư số 01/2017/TT-BTNMT ngày 09/02/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (sau đây gọi tắt là Định mức ban hành kèm theo Thông tư số 01/2017/TT-BTNMT); nội dung 2.3.2, 2.3.3 và các nội dung khác quy định tại QCVN 01:2021/BXD quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng được ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/05/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng (sau đây gọi tắt QCVN 01:2021/BXD ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BXD);

- Hướng dẫn của Bộ Tài chính về sử dụng, thanh toán và quyết toán kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030 và các quy định hiện hành có liên quan;

4. Tu bổ, tôn tạo, chống xuống cấp các di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia có giá trị tiêu biểu vùng đồng bào dân tộc thiểu số

4.1. Đối tượng và phạm vi hỗ trợ

- Các di tích, di tích có nguy cơ xuống cấp nghiêm trọng nằm trong và ngoài danh mục địa bàn xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số theo quy định hiện hành, ưu tiên địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn;

- Các di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia có giá trị tiêu biểu của các dân tộc thiểu số vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo quy định hiện hành, ưu tiên địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn”.

4.2. Nguyên tắc

- Việc triển khai cần bám sát các quy định của Luật Di sản văn hóa năm 2024, Nghị định số 308/2025/NĐ-CP ngày 28/11/2025 của Chính phủ (Nghị định số 308/2025/NĐ-CP), Nghị định số 215/2025/NĐ-CP ngày 30/7/2025 của Chính phủ (Nghị định số 215/2025/NĐ-CP) và các văn bản hướng dẫn có liên quan;

- Bảo đảm giữ gìn tối đa các yếu tố gốc cấu thành di tích, bao gồm: vị trí, quy mô, kiến trúc, vật liệu, kỹ thuật xây dựng và cảnh quan; việc bảo quản, tu bổ, phục hồi, tôn tạo phải căn cứ vào mức độ xuống cấp và giá trị của di tích;

- Ưu tiên sử dụng vật liệu truyền thống, vật liệu tại chỗ và kỹ thuật thi công thủ công bản địa; khuyến khích sự tham gia của nghệ nhân, thợ thủ công địa phương nhằm bảo đảm tính xác thực của di tích, đồng thời góp phần bảo tồn tri thức truyền thống và tạo sinh kế tại chỗ;

- Kết hợp hài hòa giữa bảo tồn và phát huy giá trị di tích, gắn với phát triển kinh tế - xã hội và du lịch theo hướng bền vững;

- Phát huy vai trò tự quản và sự tham gia của cộng đồng trong toàn bộ quá trình bảo tồn, tu bổ, phục hồi và khai thác di tích; bảo đảm người dân là chủ thể giám sát, gìn giữ và phát huy giá trị di sản gắn với đời sống văn hóa, tín ngưỡng;

- Bảo đảm công khai, minh bạch, đúng trình tự, thủ tục; tăng cường giám sát của cộng đồng, cơ quan chuyên môn và các bên liên quan trong quá trình thực hiện;

- Trong tu bổ, đề nghị các đơn vị chú trọng việc bảo lưu yếu tố gốc, tránh các giải pháp kỹ thuật làm sai lệch giá trị di tích; không “hiện đại hóa”, “bê tông hóa” hoặc áp dụng các giải pháp kỹ thuật làm sai lệch giá trị lịch sử, văn hóa và cảnh quan của di tích.

4.3. Nội dung thực hiện: đầu tư tu bổ, tôn tạo di tích quốc gia đặc biệt có giá trị tiêu biểu của các dân tộc thiểu số; hỗ trợ chống xuống cấp di tích quốc gia có giá trị tiêu biểu của các dân tộc thiểu số”.

4.4. Căn cứ thực hiện

- Luật Di sản văn hóa năm 2024; Nghị định số 308/2025/NĐ-CP; Nghị định số 215/2025/NĐ-CP;

- Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17/7/2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục, hồ sơ lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch khảo cổ; quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh; dự án đầu tư, xây dựng công trình, sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm trong, nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thế giới; dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình kiến trúc hạ tầng kỹ thuật và trưng bày bảo tàng công lập;

- Thông tư 06/2025/TT-BVHTTDL ngày 13/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số quy định về bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, định mức kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích;

- Thông tư số 04/2025/TT-BVHTTDL ngày 13/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quy định về kiểm kê di sản văn hoá, công bố danh mục kiểm kê di sản văn hoá và việc đưa thêm, di dời, thay đổi hiện vật trong di tích; phân loại di vật, cổ vật; kho bảo quản di sản tư liệu; di sản văn hóa hạn chế sử dụng, khai thác và hướng dẫn việc khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu quốc gia về di sản văn hóa;

- Thông tư số 05/2025/TT-BVHTTDL ngày 13/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết về nhiệm vụ chuyên môn của bảo tàng; gửi, lưu giữ hiện vật, tư liệu về di sản văn hóa phi vật thể, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia, di sản tư liệu; hoạt động nghiên cứu, sưu tầm và tư liệu hóa di sản văn hóa phi vật thể cho người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân người nước ngoài và hoạt động nghiên cứu, sưu tầm di sản tư liệu; chương trình, tài liệu, tổ chức đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng cho nhân lực quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa;

- Các quy định pháp luật về di sản văn hóa có liên quan.

5. Xây dựng mô hình bảo tàng sinh thái vùng đồng bào dân tộc thiểu số

5.1. Đối tượng thực hiện

Các mô hình bảo tàng sinh thái vùng đồng bào dân tộc thiểu số (sau đây gọi là mô hình bảo tàng sinh thái) được thiết lập cho di sản thuộc các loại hình di sản văn hóa vật thể và phi vật thể và các mô hình đối với di sản văn hóa vật thể và phi vật thể đã được UNESCO ghi danh tại địa phương vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

5.2. Nội dung hỗ trợ

- Hỗ trợ theo quyết định phê duyệt dự án của cấp có thẩm quyền; đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật về đầu thầu;

- Cộng đồng chủ thể được hỗ trợ trực tiếp thực hiện bảo vệ, giới thiệu và quản lý di sản theo hướng dẫn chuyên môn; chính quyền địa phương giữ vai trò hoạch định, định hướng và quản lý mô hình, trong đó cấp xã và cơ quan chuyên

môn văn hóa cấp xã tham gia hỗ trợ xây dựng phương án (có sự tham gia của cộng đồng), tổ chức triển khai và giám sát việc phân chia lợi ích; cơ quan quản lý chuyên môn văn hóa cấp tỉnh, bảo tàng địa phương và Cục Di sản văn hóa phối hợp hướng dẫn nghiệp vụ, hỗ trợ vận hành, đồng thời triển khai kế hoạch quản lý và quảng bá.

5.3. Tiêu chí về khoa học đối với khu vực chọn thiết lập mô hình bảo tàng sinh thái

- Khu vực lưu giữ những di sản văn hóa phi vật thể tiêu biểu và những ký ức cộng đồng;
- Khu vực có sự tham gia thực hành (di sản văn hóa) và vận hành (bảo tàng) của cộng đồng chủ thể di sản văn hóa;
- Khu vực còn bảo lưu được lãnh thổ sinh tồn, môi trường sinh thái - nhân văn;
- Khu vực còn bảo lưu được công trình kiến trúc công cộng và dân dụng truyền thống;
- Khu vực có hạ tầng cơ sở và đảm bảo giao thông tiếp cận;
- Khu vực có tiềm năng của điểm đến du lịch;
- Khu vực có sự tham gia đồng thuận, có hiểu biết của cộng đồng các bên liên quan.

5.4. Thực hiện quy trình

- Cơ quan chuyên môn văn hoá cấp tỉnh tham mưu Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có Tờ trình đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (qua Cục Di sản văn hóa) hỗ trợ đầu tư dự án mô hình thí điểm bảo tàng sinh thái tại địa phương mình;
- Cục Di sản văn hóa phối hợp Sở tổ chức điều tra, khảo sát địa điểm đề xuất dự án theo các tiêu chí quy định tại mục 5.3 nêu trên;
- Căn cứ kết quả khảo sát, Sở báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương xin cấp phép, lập kế hoạch, phê duyệt kế hoạch và các phương án sơ bộ;
- Trên cơ sở kế hoạch, phương án sơ bộ được phê duyệt, chủ đầu tư tổ chức thực hiện dự án đầu tư công theo quy định pháp luật hiện hành để thiết lập mô hình;
- Cộng đồng chủ thể tại khu vực được lựa chọn thực hiện việc bảo vệ, giới thiệu và quản lý di sản theo hướng dẫn chuyên môn để vận hành mô hình;
- Chính quyền địa phương hỗ trợ cộng đồng trong hoạch định, quản lý và định hướng cho mô hình bảo tàng; Sở và bảo tàng địa phương hướng dẫn về nghiệp vụ;
- Cục Di sản văn hóa và Sở hỗ trợ cộng đồng và chính quyền địa phương vận hành mô hình và triển khai kế hoạch quản lý và quảng bá.

5.5. Giai đoạn thực hiện (gồm 3 giai đoạn)

Giai đoạn 1 - Giai đoạn định hình, gồm 5 bước:

- Nghiên cứu khoa học và khảo sát;
- Xác định khu vực thiết lập mô hình bảo tàng sinh thái;

- Địa phương bảo đảm và cam kết bảo vệ khu vực xác định thiết lập mô hình bảo tàng sinh thái; bảo đảm điều kiện triển khai việc thiết lập và vận hành mô hình bảo tàng sinh thái tại khu vực đã được xác định;

- Xây dựng phương án tái tạo không gian văn hóa cho bảo tàng;
- Xây dựng cộng đồng vận hành mô hình bảo tàng sinh thái.

Giai đoạn 2 - Giai đoạn chuẩn bị, gồm 4 bước:

- Khảo sát, lựa chọn di sản;
- Xác lập pháp lý các di sản để bảo vệ tại mô hình bảo tàng sinh thái;
- Xây dựng nội dung hoạt động của mô hình bảo tàng sinh thái;
- Tạo môi trường, cảnh quan, hạ tầng khu vực.

Giai đoạn 3 - Giai đoạn thực hiện, gồm 3 bước:

- Nghiên cứu xây dựng tài liệu vận hành bảo tàng;
- Hướng dẫn vận hành bảo tàng với sự tham gia của cộng đồng;
- Lập kế hoạch quản lý và quảng bá tăng cường kết hợp ứng dụng công nghệ số.

II. NỘI DUNG THÀNH PHẦN 02: HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT, TẠO SINH KẾ VÀ NÂNG CAO THU NHẬP CHO NGƯỜI DÂN VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI

Nội dung 06: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hoá truyền thống tốt đẹp của các đồng bào dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch

1. Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ liên quan đến các nội dung hỗ trợ của Dự án; tổ chức truyền dạy văn hóa phi vật thể

1.1. Đối tượng tham gia thực hiện

- Ưu tiên nghệ nhân, người thực hành các giá trị văn hóa, công chức văn hóa cơ sở, chủ thể văn hóa, chủ thể văn hóa nòng cốt, người trực tiếp tham gia hoạt động bảo tồn, truyền dạy và phát huy giá trị văn hóa truyền thống;

- Cộng đồng dân cư tại các điểm du lịch vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

- Cán bộ, công chức làm công tác dân tộc và chính sách dân tộc;

- Cán bộ, công chức trong lĩnh vực văn hóa, thông tin cơ sở, thể thao, du lịch và các lĩnh vực liên quan;

- Cộng tác viên công tác gia đình, phòng, chống bạo lực gia đình;

- Tuyên truyền viên cơ sở; người quản lý, vận hành thiết chế văn hóa, thư viện, thể thao cơ sở (không hưởng lương từ ngân sách nhà nước);

- Tổ chức, hộ kinh doanh, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch tại địa phương.

1.2. Nội dung thực hiện

a) Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ và truyền dạy văn hóa phi vật thể

Tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng và truyền dạy nhằm bảo tồn, phát huy các loại hình văn hóa phi vật thể, bao gồm: Biểu đạt và truyền thống truyền khẩu; Nghệ thuật trình diễn dân gian và các hình thức trình diễn dân gian khác; Tập quán xã hội và tín ngưỡng, lễ hội truyền thống; Tri thức dân gian, nghề thủ công truyền thống; Các môn thể thao dân tộc, thể thao đặc thù, trò chơi dân gian; Tập huấn về công tác gia đình, bình đẳng giới và phòng, chống bạo lực gia đình; Tập huấn về quản lý, vận hành và khai thác hiệu quả nhà văn hóa, thư viện, thiết chế văn hóa, thể thao, thông tin cơ sở, tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; Bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ phục vụ triển khai các nội dung hỗ trợ của Dự án.

b) Bồi dưỡng nghiệp vụ du lịch gắn với khai thác giá trị văn hóa truyền thống

Tổ chức các lớp tập huấn nghiệp vụ quản lý nhà nước về du lịch, bồi dưỡng chuyên sâu tại các điểm du lịch tiêu biểu vùng dân tộc thiểu số và miền núi, tập trung vào: Văn hóa, giao tiếp ứng xử trong hoạt động du lịch; Kỹ năng đón tiếp, phục vụ khách du lịch; Kỹ năng, phương pháp chế biến món ăn truyền thống; Kỹ năng phục vụ lưu trú du lịch (homestay, cộng đồng); Kỹ năng tổ chức, điều hành tour; Kỹ năng hướng dẫn du lịch, thuyết minh, giới thiệu giá trị văn hóa bản địa; Kỹ năng ngoại ngữ, kỹ năng vận hành cơ sở lưu trú nhỏ...;

Gắn đào tạo với thực hành, trải nghiệm tại chỗ, phát huy vai trò của nghệ nhân, người có kinh nghiệm trong cộng đồng.

c) Tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ về bảo tồn, phát triển các môn thể thao dân tộc

Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ về bảo tồn, phát triển các môn thể thao dân tộc, bao gồm: Giới thiệu nguồn gốc, giá trị của các môn thể thao dân tộc; hướng dẫn kỹ thuật, phương pháp tập luyện, thi đấu; hướng dẫn sử dụng dụng cụ, trang phục, địa điểm phù hợp; bảo đảm an toàn, phòng chống chấn thương, sơ cấp cứu; xây dựng và phát triển mô hình câu lạc bộ, đội nhóm gắn với du lịch; phương pháp tổ chức thi đấu.

d) Tổ chức thực hiện

- Nội dung, mức chi thực hiện theo Thông tư số 40/2017/TT-BTC (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 12/2025/TT-BTC) và Khoản 3 Điều 98 Nghị định số 308/2025/NĐ-CP và quy định của pháp luật hiện hành; thời gian tổ chức do cơ quan có thẩm quyền quyết định, phù hợp thực tế; cấp giấy chứng nhận cho học viên (nếu có); thuê hoặc mua vật tư, nguyên liệu, trang phục, dụng cụ, đạo cụ, nhạc cụ, trang thiết bị phục vụ truyền dạy do Thủ trưởng đơn vị thực hiện quyết định trong phạm vi dự toán;

- Việc tổ chức tập huấn, bồi dưỡng phải gắn với nhu cầu thực tiễn, đối tượng cụ thể, nội dung chuyên môn rõ ràng và sản phẩm đầu ra; hạn chế tổ chức dàn trải, hình thức hoặc trùng lặp nội dung đã được đào tạo từ chương trình, dự án khác;

- Kết quả tập huấn, truyền dạy được xác định thông qua sản phẩm, chương trình thực hành, hồ sơ tư liệu hóa, đội ngũ hạt nhân cộng đồng hoặc kết quả áp dụng vào thực tiễn tại địa phương.

2. Khôi phục, bảo tồn và phát triển văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số có khó khăn đặc thù

2.1. Đối tượng, phạm vi thực hiện

a) Đối tượng: Các dân tộc thiểu số có khó khăn đặc thù gồm: Bô Y, Cờ Lao, Công, Lô Lô, Lự, Mảng, Ô-đu, Pà Thẻn, Si La theo Quyết định số 132/QĐ-BDTTG ngày 25/3/2026 của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo.

b) Phạm vi: Thực hiện tại địa bàn cư trú tập trung của các dân tộc nêu trên; ưu tiên địa bàn đặc biệt khó khăn, biên giới, đặc khu, an toàn khu.

2.2. Tiêu chí lựa chọn, ưu tiên

- Các loại hình văn hóa truyền thống có nguy cơ mai một cao, còn rất ít người thực hành, nắm giữ;

- Cộng đồng dân tộc có quy mô dân số nhỏ, phân tán, điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn;

- Có nghệ nhân, người nắm giữ các giá trị văn hóa sẵn sàng tham gia truyền dạy, phục hồi; Có sự đồng thuận và tham gia tích cực của cộng đồng trong bảo tồn và phát huy;

- Có tiềm năng phát triển sản phẩm văn hóa đặc trưng, du lịch cộng đồng, tạo sinh kế; Ưu tiên địa bàn biên giới, vùng sâu, vùng xa, đặc khu, khu vực có ý nghĩa quan trọng về quốc phòng, an ninh.

2.3. Nội dung thực hiện

Tập trung vào các loại hình như: Ngôn ngữ, chữ viết, ngữ văn dân gian; Nghệ thuật trình diễn dân gian (âm nhạc, múa, hát, sân khấu truyền thống...); Tập quán xã hội, tín ngưỡng, lễ hội truyền thống; Tri thức dân gian; nghề thủ công truyền thống; Trò chơi dân gian, thể thao dân tộc, thể thao đặc thù... việc tổ chức thực hiện các nội dung trên áp dụng và thực hiện theo quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 03/2026/TT-BVHTTDL và khoản 2, khoản 3 Điều 98 Nghị định số 308/2025/NĐ-CP.

2.4. Tổ chức thực hiện

Bảo đảm cộng đồng là chủ thể, tham gia trực tiếp trong toàn bộ quá trình bảo tồn, khôi phục và phát triển văn hóa; kết hợp hài hòa giữa bảo tồn và phát triển, gắn giá trị văn hóa với tạo sinh kế bền vững; thực hiện lồng ghép với các chương trình mục tiêu quốc gia, đồng thời huy động nguồn lực xã hội hóa; tăng

cường ứng dụng công nghệ số trong lưu trữ, số hóa và quảng bá giá trị văn hóa truyền thống.

3. Nghiên cứu, tổ chức khôi phục, thực hành, trình diễn, trưng bày, giới thiệu về văn hóa phi vật thể và các môn thể thao truyền thống của các dân tộc thiểu số có nguy cơ mai một; bảo vệ tiếng nói, chữ viết của các dân tộc thiểu số

3.1. Đối tượng tham gia thực hiện

- Chủ thể văn hóa, nghệ nhân, già làng, trưởng bản, người có uy tín và đồng bào dân tộc thiểu số;

- Cộng đồng dân cư tại các điểm du lịch vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

- Cán bộ, công chức thực hiện công tác dân tộc, chính sách dân tộc và công tác văn hóa, thể thao, du lịch và các lĩnh vực liên quan tại địa phương;

- Tổ chức, cá nhân, hộ kinh doanh, doanh nghiệp tham gia hoạt động bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống của các dân tộc thiểu số.

3.2. Tiêu chí xác định ưu tiên

- Các giá trị văn hóa, thể thao truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số có nguy cơ mai một cao, đặc biệt của các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù;

- Khu vực đặc biệt khó khăn, biên giới, đặc khu, an toàn khu;

- Có sự đồng thuận và tham gia trực tiếp duy trì của cộng đồng;

- Khuyến khích ứng dụng công nghệ số, đổi mới sáng tạo trong bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa.

3.3. Nội dung thực hiện

Nội dung, quy trình áp dụng theo quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 03/2026/TT-BVHTTDL; Thông tư số 02/2025/TT-BVHTTDL; định mức chi áp dụng khoản 2, khoản 3 Điều 98 Nghị định số 308/2025/NĐ-CP; Thông tư số 117/2025/TT-BTC ngày 16/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10/01/2023 của Bộ Tài chính và các quy định pháp luật có liên quan.

4. Bảo tồn, phát huy lễ hội truyền thống của các dân tộc thiểu số

4.1. Phạm vi và đối tượng thực hiện

- Lễ hội truyền thống của cộng đồng các dân tộc thiểu số tại khu vực ven biển, hải đảo, đặc khu góp phần đa dạng hóa các sản phẩm du lịch biển, ven biển;

- Ưu tiên lễ hội có nguy cơ mai một cao, lễ hội của các dân tộc còn nhiều khó khăn hoặc có khó khăn đặc thù;

- Ưu tiên lễ hội có tiềm năng khai thác, phát triển thành sản phẩm du lịch văn hóa.

4.2. Tiêu chí xác định ưu tiên

- Lễ hội có giá trị văn hóa tiêu biểu, mang bản sắc đặc trưng của dân tộc;

- Lễ hội có nguy cơ mai một hoặc đã bị gián đoạn cần phục hồi;

- Lễ hội gắn với phát triển du lịch, có khả năng thu hút khách và tạo sinh kế cho cộng đồng;

- Địa bàn ưu tiên: vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng ven biển, đặc khu, địa bàn đặc biệt khó khăn;

- Hoạt động có sự tham gia tích cực, cam kết duy trì của cộng đồng, địa phương.

4.3. Nội dung thực hiện

Nội dung thực hiện theo quy định tại Phụ lục I, Thông tư số 03/2026/TT-BVHTTDL và áp dụng khoản 2, khoản 3 Điều 98 Nghị định số 308/2025/NĐ-CP. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ quyết định quy mô, hình thức, nội dung tổ chức lễ hội trên cơ sở dự toán được giao, bảo đảm hiệu quả, tiết kiệm, đúng quy định và Thông tư số 04/2023/TT-BTC ngày 19/01/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý, thu chi tài chính cho công tác tổ chức lễ hội và tiền công đức, tài trợ cho di tích và hoạt động lễ hội làm căn cứ thực hiện.

5. Xây dựng các mô hình: trải nghiệm, tìm hiểu văn hoá truyền thống; văn hoá cơ sở phù hợp với điều kiện từng vùng, miền, phong tục, tập quán của địa phương; bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể để phát triển cộng đồng gắn với phát triển du lịch; bảo tồn, phát huy các môn thể thao truyền thống vùng đồng bào dân tộc thiểu số

5.1. Đối tượng tham gia

- Nghệ nhân, già làng, trưởng bản, người có uy tín và đồng bào dân tộc thiểu số;

- Các câu lạc bộ, đội văn nghệ dân gian tại các thôn, bản vùng dân tộc thiểu số và miền núi;

- Các đơn vị, hộ kinh doanh, doanh nghiệp kinh doanh du lịch, tổ chức xã hội hoạt động ở địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

- Thanh niên là người dân tộc thiểu số, hộ gia đình tham gia trực tiếp làm du lịch.

5.2. Tiêu chí lựa chọn, ưu tiên

- Mô hình gắn với bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống đặc sắc, có nguy cơ mai một;

- Có khả năng tạo sinh kế, nâng cao thu nhập cho cộng đồng, gắn với phát triển du lịch bền vững;

- Có sự tham gia chủ động, cam kết duy trì của cộng đồng và chính quyền địa phương;

- Ưu tiên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, địa bàn đặc biệt khó khăn, biên giới, đặc khu;

- Mô hình có khả năng ứng dụng chuyển đổi số và khả năng nhân rộng.

5.3. Nội dung thực hiện

- Nội dung thực hiện theo quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 03/2026/TT-BVHTTDL và khoản 2 và khoản 3 Điều 98 Nghị định số 308/2025/NĐ-CP;

Thông tư số 40/2017/TT-BTC (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 12/2025/TT-BTC); Thông tư số 11/2024/TT-BVHTTDL; Thông tư số 37/2022/TT-BTC; Thông tư số 117/2025/TT-BTC; Nghị định số 265/2025/NĐ-CP; Thông tư số 38/2025/TT-BKHHCN; Thông tư số 02/2025/TT-BVHTTDL và các quy định pháp luật có liên quan.

- Chi tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Nghị định số 265/2025/NĐ-CP và Thông tư số 38/2025/TT-BKHHCN.

- Chi xây dựng báo cáo chuyên đề khoa học: Áp dụng đối với các báo cáo liên quan đến loại hình văn hóa phục vụ xây dựng mô hình; nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Nghị định số 265/2025/NĐ-CP; Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10/01/2023 của Bộ Tài chính.

- Chi xây dựng nội dung, kịch bản triển khai mô hình: Đối với các loại hình nghệ thuật, biểu diễn, nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Nghị định số 21/2015/NĐ-CP.

- Chi mua sắm vật tư, nguyên vật liệu, trang thiết bị, tài liệu: Bao gồm vật tư, nguyên vật liệu, dụng cụ, tài liệu, trang phục, đạo cụ, nhạc cụ, trang thiết bị âm thanh, ánh sáng, tư liệu, số liệu, phần mềm, công nghệ phục vụ xây dựng mô hình; việc thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu và trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao.

- Chi tổ chức tập huấn, truyền dạy: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 và khoản 5 Điều 1 Thông tư số 12/2025/TT-BTC), khoản 1 Điều 4 Thông tư số 12/2025/TT-BTC và khoản 3 Điều 98 Nghị định số 308/2025/NĐ-CP.

- Chi tổ chức tập luyện, tái hiện, biểu diễn, thi đấu thực nghiệm: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 và khoản 5 Điều 1 Thông tư số 12/2025/TT-BTC), Thông tư số 12/2025/TT-BTC, Thông tư số 11/2024/TT-BVHTTDL; Thông tư số 117/2025-BTC.

- Chi tổ chức đi thực tế, học tập kinh nghiệm: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 12/2025/TT-BTC).

- Chi tuyên truyền theo Thông tư số 01/2026/TT-BVHTTDL có hiệu lực ngày 30/4/2026 và thay thế các Thông tư số 09/2020/TT-BTTTT; Thông tư số 03/2018/TT-BTTTT.

6. Hỗ trợ hoạt động của các câu lạc bộ văn hóa dân gian, câu lạc bộ thực hành di sản văn hóa, đội văn nghệ truyền thống tại các thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng di dân tái định cư

6.1. Đối tượng thụ hưởng

- Nghệ nhân, già làng, trưởng bản, người có uy tín và đồng bào dân tộc thiểu số trực tiếp tham gia thực hành, truyền dạy văn hóa dân gian, di sản văn hóa;

- Câu lạc bộ văn hóa dân gian, câu lạc bộ thực hành di sản văn hóa;
- Đội văn nghệ truyền thống tại các thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng di dân tái định cư.

6.2. Tiêu chí lựa chọn, ưu tiên

- Câu lạc bộ tại địa bàn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng di dân tái định cư;
- Câu lạc bộ bảo tồn các loại hình văn hóa phi vật thể có nguy cơ mai một;
- Câu lạc bộ có khả năng gắn kết hoạt động với phát triển du lịch cộng đồng, tạo sinh kế;
- Có sự tham gia tích cực, cam kết duy trì hoạt động lâu dài của cộng đồng và chính quyền cơ sở.

6.3. Nội dung thực hiện

a) *Khảo sát, thành lập và kiện toàn Ban chủ nhiệm Câu lạc bộ*: Tổ chức khảo sát, điều tra, thống kê, thu thập thông tin để thành lập mới hoặc củng cố, nâng cao hiệu quả hoạt động của các câu lạc bộ; Xây dựng quy chế hoạt động, kế hoạch sinh hoạt định kỳ phù hợp với điều kiện thực tế và đặc điểm văn hóa của địa phương.

b) *Trang bị cơ sở vật chất, điều kiện hoạt động*: Mua sắm vật tư, nguyên vật liệu, trang thiết bị, đạo cụ, nhạc cụ, trang phục, tài liệu phục vụ hoạt động của câu lạc bộ theo quy định của pháp luật; Hỗ trợ lắp đặt, trang trí không gian sinh hoạt, luyện tập và biểu diễn phù hợp với điều kiện cơ sở vật chất tại thôn, bản.

c) *Tổ chức tập huấn, truyền dạy và nâng cao năng lực*: Tổ chức các lớp tập huấn, truyền dạy văn hóa dân gian, di sản văn hóa phi vật thể; Nội dung bao gồm: nghệ thuật trình diễn dân gian, nghi lễ, lễ hội, trò chơi dân gian, tri thức dân gian, kỹ năng tổ chức sinh hoạt câu lạc bộ...; Thời gian, quy mô lớp học do thủ trưởng cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ quyết định, bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tế.

d) *Tổ chức sinh hoạt, luyện tập, biểu diễn và giao lưu*: Tổ chức sinh hoạt định kỳ (ít nhất 01 buổi/tháng): luyện tập, biểu diễn văn hóa nghệ thuật, tổ chức các cuộc thi, hội diễn văn nghệ dân gian;

Nội dung bao gồm: Thuê hoặc mua trang phục, đạo cụ, nhạc cụ, thiết bị phục vụ luyện tập, biểu diễn; Chi phí lắp đặt, trang trí sân khấu, không gian trình diễn; chuẩn bị lễ vật phục vụ nghi thức văn hóa truyền thống; Hỗ trợ chi phí tập luyện, biểu diễn cho nghệ nhân, diễn viên, người thực hành là người dân tộc thiểu số và thành viên câu lạc bộ; Chi giải thưởng cho cá nhân, tập thể; bồi dưỡng cho người phục vụ, người dẫn chương trình; Hỗ trợ tiền ăn, đi lại, lưu trú cho nghệ nhân, diễn viên, thành viên câu lạc bộ khi tham gia hoạt động theo quy định.

đ) *Bảo tồn, tư liệu hóa và truyền thông, quảng bá*: Sản xuất phim tài liệu, ghi âm, ghi hình phục vụ công tác bảo tồn, lưu trữ và quảng bá văn hóa dân gian;

Tổ chức thông tin, tuyên truyền về hoạt động của câu lạc bộ trên các phương tiện truyền thông và nền tảng số; Khuyến khích ứng dụng công nghệ số trong lưu trữ, phổ biến và quảng bá di sản văn hóa phi vật thể.

Nội dung và định mức thực hiện theo quy định tại Nghị định số 308/2025/NĐ-CP và các văn bản pháp luật có liên quan. Việc sử dụng kinh phí bảo đảm đúng mục tiêu, đối tượng, tiết kiệm, hiệu quả và tuân thủ quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

6.4. Thành lập Câu lạc bộ văn hóa dân gian, câu lạc bộ thực hành di sản văn hóa tại thôn, bản

a) *Thẩm quyền thành lập:* Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thành lập câu lạc bộ sinh hoạt văn hóa dân gian, câu lạc bộ thực hành di sản văn hóa tại thôn theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Nghị định số 129/2025/NĐ-CP và khoản 1 Điều 8 của Nghị định số 308/2025/NĐ-CP.

b) Hồ sơ đề nghị thành lập, trình tự, thủ tục, hoạt động và hỗ trợ kinh phí cho Câu lạc bộ văn hóa dân gian, câu lạc bộ thực hành di sản văn hóa nhóm thực hành di sản văn hóa phi vật thể áp dụng theo Điều 8 Nghị định số 308/2025/NĐ-CP.

6.5. Hỗ trợ hoạt động cho đội văn nghệ truyền thống tại các thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

a) *Đối tượng thụ hưởng:*

Đội văn nghệ được hoạt động tại Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn, được Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thành lập.

b) *Nội dung thực hiện:*

- Chi hướng dẫn tổ chức và hoạt động cho đội văn nghệ;
- Dàn dựng và biểu diễn các chương trình văn nghệ phục vụ nhiệm vụ chính trị, các sự kiện văn hóa, xã hội, ngày lễ, kỷ niệm, đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa tinh thần của đồng bào quần chúng nhân dân ở địa phương;
- Thuê hoặc mua sắm trang phục, đạo cụ, nhạc cụ, thiết bị âm thanh, ánh sáng đáp ứng tối thiểu nhu cầu tập luyện, biểu diễn;
- Hỗ trợ chi phí luyện tập, biểu diễn cho các thành viên đội văn nghệ.

7. Hỗ trợ xây dựng tủ sách cộng đồng cho các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số

7.1. Đối tượng và địa bàn hỗ trợ

Các xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo danh mục, tiêu chí do cấp có thẩm quyền phê duyệt; ưu tiên các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu và địa bàn có điều kiện tiếp cận thông tin còn hạn chế.

7.2. Nội dung tủ sách

Tủ sách cộng đồng được xây dựng theo định hướng phục vụ trực tiếp nhu cầu thông tin, học tập suốt đời, nâng cao dân trí và bảo tồn văn hóa, bao gồm các nhóm nội dung chủ yếu sau:

- Thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật: Tài liệu về văn hóa, thể thao, gia đình và du lịch; pháp luật về hôn nhân và gia đình; phòng, chống tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống; bình đẳng giới; xây dựng đời sống văn hóa cơ sở và phát triển cộng đồng dân tộc thiểu số; chính sách dân tộc và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Tri thức phát triển kinh tế - xã hội và kỹ năng sống: Tài liệu hướng dẫn sản xuất, kinh doanh, khởi nghiệp, phát triển sinh kế bền vững; kỹ năng tiếp cận thông tin, chuyển đổi số cơ bản; nâng cao năng lực tự đọc, tự học và thích ứng với thị trường.

- Bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống: Tài liệu giới thiệu di sản văn hóa, phong tục, tập quán, tri thức dân gian, nghề thủ công truyền thống; tài liệu song ngữ (nếu có) nhằm góp phần bảo tồn tiếng nói, chữ viết của các dân tộc thiểu số.

- Phát triển du lịch cộng đồng: Tài liệu về mô hình du lịch bền vững, du lịch cộng đồng; kinh nghiệm tổ chức, quản lý điểm đến.

- Các chủ đề khác: Tùy theo nhu cầu thực tiễn của địa phương, bổ sung các tài liệu liên quan đến y tế, giáo dục, môi trường, biến đổi khí hậu, an sinh xã hội và các lĩnh vực thiết yếu khác.

7.3. Nội dung hỗ trợ

Các nội dung hỗ trợ được thực hiện đồng bộ, bảo đảm hiệu quả khai thác và tính bền vững của tủ sách:

- Hỗ trợ tài nguyên thông tin: Mua sách, tài liệu; cập nhật, bổ sung đầu sách mới phù hợp với nhu cầu sử dụng của cán bộ và Nhân dân; ưu tiên tài liệu thiết thực, dễ tiếp cận, phù hợp với trình độ dân trí và đặc thù văn hóa vùng miền.

- Hỗ trợ trang thiết bị: Mua mới hoặc sửa chữa tủ sách, giá sách.

- Hỗ trợ quản lý, vận hành: Các khoản chi phục vụ trực tiếp cho hoạt động quản lý, khai thác, bảo quản tủ sách; tổ chức các hoạt động khuyến đọc, sinh hoạt chuyên đề, giới thiệu sách.

7.4. Tổ chức thực hiện

Cơ quan chuyên môn văn hóa cấp tỉnh giao Thư viện tỉnh chủ trì, phối hợp triển khai, các nhiệm vụ chủ yếu sau:

- Tham mưu, đề xuất: Xây dựng danh mục tài liệu, tiêu chí lựa chọn và danh sách các xã được hỗ trợ; bảo đảm phù hợp với mục tiêu Chương trình và điều kiện thực tế địa phương.

- Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ: Hướng dẫn xây dựng không gian đọc thân thiện, các hoạt động phát triển văn hóa đọc phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương; tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng quản lý, khai thác tủ sách cho cán bộ phụ trách tại cơ sở; thực hiện luân chuyển định kỳ

đề tăng cường thường xuyên sách, tài liệu nhằm duy trì tính hấp dẫn, cập nhật của tủ sách.

- Theo dõi, đánh giá và báo cáo: Tổ chức kiểm tra, giám sát việc xây dựng và vận hành tủ sách; tổng hợp báo cáo định kỳ, đột xuất về tình hình triển khai (kế hoạch, số lượng tủ sách, địa điểm, hiệu quả hoạt động...) gửi Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (qua Cục Văn hóa cơ sở, Gia đình và Thư viện).

8. Tổ chức Ngày hội, giao lưu, liên hoan về các loại hình văn hóa, nghệ thuật truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số; Hội thi các môn thể thao dân tộc thiểu số

8.1. Phạm vi và thẩm quyền tổ chức thực hiện

Hoạt động tổ chức Ngày hội, giao lưu, liên hoan các loại hình văn hóa, nghệ thuật truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số và hội thi các môn thể thao dân tộc được thực hiện theo phạm vi và thẩm quyền sau:

a) Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì tổ chức các hoạt động quy mô toàn quốc, khu vực, theo từng dân tộc hoặc theo từng loại hình văn hóa, nghệ thuật, thể thao truyền thống theo đề án được phê duyệt và kế hoạch hằng năm;

Đối với ngày hội, giao lưu, liên hoan văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số có sự tham gia của từ 02 (hai) đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phê duyệt đề án tổ chức;

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức các hoạt động trên địa bàn theo điều kiện thực tế của địa phương;

c) Ủy ban nhân dân cấp xã phối hợp tổ chức các hoạt động tại cơ sở, huy động cộng đồng tham gia;

d) Khuyến khích tổ chức theo cụm địa phương, liên kết vùng gắn với phát triển du lịch và tăng cường giao lưu văn hóa giữa các dân tộc.

8.2. Nội dung và quy trình thực hiện các hoạt động trong khuôn khổ Ngày hội:

Các đơn vị, địa phương căn cứ chức năng, nhiệm vụ để tổ chức thực hiện các hoạt động theo đúng nội dung và quy trình nghiệp vụ quy định tại: Thông tư số 02/2026/TT-BVHTTDL, Thông tư số 02/2025/TT-BVHTTDL, Thông tư số 117/2025/TT-BTC và các văn bản quy phạm pháp luật và hướng dẫn chuyên ngành khác có liên quan.

9. Tổ chức tuyên truyền, giới thiệu, quảng bá rộng rãi giá trị văn hóa truyền thống tiêu biểu của các dân tộc thiểu số; chương trình quảng bá, xúc tiến du lịch tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

9.1. Đối tượng thực hiện và tham gia

- Người lao động hoạt động trong lĩnh vực du lịch tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

- Cộng đồng dân cư tại các điểm đến du lịch thuộc khu vực vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

- Các tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp, hợp tác xã hoạt động kinh doanh dịch vụ du lịch, văn hóa trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;
- Cán bộ, công chức thực hiện công tác dân tộc, chính sách dân tộc, công tác du lịch và các lĩnh vực có liên quan tại địa phương;
- Các cơ quan, đơn vị quản lý, khai thác điểm đến du lịch tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;
- Hộ gia đình, cộng đồng dân cư, đồng bào dân tộc thiểu số tham gia trực tiếp vào hoạt động du lịch, cung ứng dịch vụ và bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống...;
- Cán bộ, công chức thực hiện công tác gia đình, công tác viên làm công tác gia đình và phòng, chống bạo lực gia đình, hộ gia đình.

9.2. Nội dung thực hiện

a) Nghiên cứu, khảo sát và phát triển sản phẩm du lịch: Tổ chức khảo sát, điều tra, nghiên cứu, đánh giá tiềm năng, khả năng khai thác; định hướng phát triển sản phẩm du lịch đặc trưng gắn với bản sắc văn hóa của từng địa phương vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

b) Xây dựng hệ thống thông tin và chuyển đổi số trong du lịch: Hỗ trợ xây dựng, cập nhật, quản lý và vận hành hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, trang thông tin điện tử, nền tảng mạng xã hội và ứng dụng di động trong lĩnh vực du lịch; xây dựng hệ thống chỉ tiêu thống kê phục vụ tra cứu, kết nối, truyền thông, quảng bá và theo dõi, giám sát, đánh giá phát triển du lịch.

c) Nâng cao năng lực và phát triển nguồn nhân lực du lịch: Tổ chức tập huấn nghiệp vụ; hội nghị, hội thảo về xây dựng và phát triển sản phẩm du lịch; các cuộc thi nghiệp vụ du lịch; hoạt động trưng bày, triển lãm giá trị văn hóa, du lịch phục vụ phát triển sản phẩm và thị trường.

d). Xúc tiến, quảng bá và phát triển thị trường du lịch: Tổ chức các đoàn khảo sát, giới thiệu sản phẩm du lịch (famtrip, presstrip) cho cơ quan báo chí, doanh nghiệp trong nước và quốc tế; tham gia, tổ chức các hoạt động quảng bá tại hội chợ, triển lãm, hội nghị, hội thảo, chương trình xúc tiến du lịch; Xây dựng và triển khai hệ thống nhận diện thương hiệu điểm đến du lịch.

đ) Quản lý điểm đến và phát triển du lịch bền vững: Nghiên cứu, đề xuất và triển khai các giải pháp quản lý sức chứa du lịch tại điểm đến, bảo đảm khai thác hiệu quả tài nguyên gắn với bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống, bảo vệ môi trường, giữ gìn cảnh quan và phát triển du lịch bền vững.

e) Tổ chức tập huấn, tọa đàm, hội nghị, hội thảo; các cuộc trưng bày, triển lãm đề tài về dân tộc thiểu số; các cuộc thi, cuộc phát động sáng tạo nghệ thuật về văn hóa các dân tộc thiểu số;

g) Các hoạt động tuyên truyền, quảng bá được triển khai đồng bộ, đa dạng về hình thức, gắn với chuyển đổi số và phát triển du lịch bền vững, bao gồm:

- Sản xuất và phổ biến sản phẩm truyền thông: Tổ chức sản xuất, phát sóng, biên tập, đăng tải, phát hành các tài liệu, ấn phẩm, sản phẩm truyền thông khác để đăng tải trên báo chí, xuất bản và hệ thống thông tin cơ sở. Nội dung tập trung giới thiệu giá trị văn hóa truyền thống, lễ hội, phong tục, tập quán, tri thức dân gian và các mô hình tiêu biểu gắn với phát triển du lịch hiệu quả; thực hiện theo quy định của pháp luật về báo chí, xuất bản và quản lý, sử dụng kinh phí;

- Sản xuất mới các tác phẩm báo chí, sản phẩm thông tin, truyền thông tuyên truyền, giới thiệu, quảng bá rộng rãi giá trị văn hóa truyền thống tiêu biểu của các dân tộc thiểu số; chương trình quảng bá, xúc tiến du lịch tại đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

- Hỗ trợ sản xuất các tin bài, tác phẩm báo chí, sản phẩm số, phóng sự, tham luận, các buổi tọa đàm, diễn đàn mời chuyên gia tham dự nhằm quảng bá hình ảnh, tuyên truyền các giá trị văn hoá truyền thống tiêu biểu của các dân tộc thiểu số và miền núi;

- Hỗ trợ sản xuất các sản phẩm truyền thông đa dạng: ấn phẩm, ấn phẩm phát thanh, truyền hình, sản phẩm số... Hỗ trợ biên soạn nội dung bằng tiếng Việt, tiếng dân tộc thiểu số và tiếng nước ngoài phù hợp với tình hình từng địa phương;

- Hỗ trợ sản xuất các chương trình phát thanh, truyền hình tập trung vào các nội dung: Chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; Thành tựu phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi; Giá trị văn hoá truyền thống, bản sắc dân tộc; Hình ảnh con người Việt Nam thân thiện, hoà bình, hợp tác; Thông tin về chủ quyền biên giới, quốc gia;

- Hỗ trợ sản xuất các chương trình phát thanh, truyền hình tuyên truyền về việc ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

- Xây dựng và vận hành hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu: Hỗ trợ xây dựng, nâng cấp và vận hành hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về văn hóa và du lịch vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; đẩy mạnh số hóa dữ liệu di sản văn hóa, tư liệu hình ảnh, video, bản đồ số các điểm đến; bảo đảm kết nối, chia sẻ, liên thông với các hệ thống thông tin ngành và nền tảng số quốc gia;

- Tổ chức hoạt động truyền thông, sự kiện chuyên đề: Tổ chức hội nghị, hội thảo, tọa đàm, tập huấn, diễn đàn; các cuộc thi, cuộc vận động sáng tác; hoạt động trưng bày, triển lãm chuyên đề về văn hóa, con người và tiềm năng du lịch; Xây dựng hệ thống pano, áp phích tuyên truyền tại khu vực vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, ưu tiên khu vực cửa khẩu quốc tế;

- Tổ chức tuyên truyền về bộ tiêu chí ứng xử trong gia đình; giáo dục đạo đức, lối sống trong gia đình; bình đẳng giới trong gia đình trên phương tiện truyền thông đại chúng;

- Quảng bá, xúc tiến du lịch gắn với phát triển sản phẩm đặc trưng: Tổ chức nghiên cứu, khảo sát, phát triển sản phẩm du lịch đặc trưng; Xây dựng và vận hành hệ thống truyền thông du lịch số; triển khai các chiến dịch truyền thông, quảng bá

trong nước và quốc tế; tổ chức đoàn khảo sát, hội nghị xúc tiến, hội thảo kết nối thị trường; Xây dựng và phát triển thương hiệu du lịch vùng và điểm đến;

- Ứng dụng truyền thông sáng tạo: Ứng dụng các phương thức truyền thông hiện đại, sáng tạo (truyền thông số, truyền thông tương tác, storytelling...) nhằm nâng cao hiệu quả truyền thông;

- Ứng dụng các phương thức truyền thông hiện đại, sáng tạo tuyên truyền về phòng, chống bạo lực gia đình, hệ giá trị gia đình vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

9.3. Yêu cầu thực hiện

- Việc tổ chức thực hiện phải bảo đảm đúng định hướng, trọng tâm, hiệu quả và bền vững; phát huy vai trò chủ thể của cộng đồng; gắn kết chặt chẽ giữa bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa với phát triển du lịch và sinh kế; tăng cường ứng dụng chuyển đổi số; đồng thời tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về thông tin, truyền thông, du lịch và quản lý tài chính hiện hành.

- Nội dung và mức chi thực hiện theo: Thông tư số 12/2025/TT-BTC ngày 19/3/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 12/2025/TT-BTC); Thông tư số 04/2025/TT-BNV ngày 07/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ Quy định mức lương của chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở cho việc xác định giá gói thầu; đối với chi thực hiện thông tin, tuyên truyền bằng các loại hình báo chí, thực hiện theo quy định tại Nghị định số 18/2014/NĐ-CP ngày 14/3/2014 của Chính phủ quy định về chế độ nhuận bút trong lĩnh vực báo chí, xuất bản; hoặc theo định mức kinh tế - kỹ thuật trong hoạt động báo chí theo quy định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Đối với chi hoạt động thông tin, tuyên truyền trên hệ thống thông tin cơ sở, sản xuất các chương trình phát thanh, truyền hình thực hiện theo định mức kinh tế - kỹ thuật quy định tại Thông tư số 01/2026/TT-BVHTTDL ngày 12/3/2026 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sản xuất chương trình phát thanh, chương trình truyền hình hoặc theo các quy định pháp luật khác.

- Thông tư quy định về định mức kinh tế - kỹ thuật trong hoạt động xúc tiến, quảng bá du lịch; phát triển thương hiệu du lịch; tổ chức, tham gia các sự kiện du lịch quy mô liên vùng, quốc gia và theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các văn bản pháp luật có liên quan.

10. Xây dựng nội dung, xuất bản sách, phim tư liệu về văn hóa truyền thống đồng bào dân tộc thiểu số để cấp phát cho cộng đồng các dân tộc thiểu số

10.1. Đối tượng tiếp nhận và sử dụng

Việc xây dựng, xuất bản và cấp phát ấn phẩm, phim tư liệu được thực hiện đến các nhóm đối tượng sau:

- Cấp tỉnh: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao/Sở Du lịch; Sở Dân tộc và Tôn giáo hoặc cơ quan làm công tác dân tộc thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Cấp xã: Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã; các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp tại các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng biên giới.

- Cấp thôn: Các thôn thuộc xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn vùng biên giới; Bí thư chi bộ, Trưởng thôn, Trưởng Ban công tác Mặt trận; già làng, trưởng bản, nghệ nhân, người có uy tín trong cộng đồng.

- Cơ sở giáo dục: Trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông tại xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; các trường phổ thông dân tộc nội trú, phổ thông nội trú, phổ thông dân tộc bán trú tại các địa phương.

- Hệ thống thư viện: Thư viện Quốc gia Việt Nam; thư viện công cộng (cấp tỉnh, cấp xã); thư viện chuyên ngành và các điểm Bưu điện Văn hóa xã.

- Cộng tác viên làm công tác gia đình và phòng, chống bạo lực gia đình; hộ gia đình, cộng đồng dân cư, đồng bào dân tộc thiểu số.

10.2. Nội dung thực hiện

Việc xây dựng nội dung, xuất bản và phát hành ấn phẩm, phim tư liệu, sản phẩm truyền thông khác phải bảo đảm tính chính xác, khoa học, dễ tiếp cận, phù hợp với đặc thù văn hóa của từng dân tộc, từng vùng, miền, tập trung vào các nội dung chủ yếu sau:

- Xây dựng và xuất bản ấn phẩm thông tin:

+ Biên soạn, xuất bản sách, tài liệu, ấn phẩm (in và điện tử) giới thiệu giá trị văn hóa truyền thống tiêu biểu của các dân tộc thiểu số, bao gồm: phong tục, tập quán, tri thức dân gian, nghề thủ công truyền thống, nghệ thuật trình diễn dân gian, lễ hội, kiến trúc truyền thống...;

+ Giới thiệu các mô hình, phương pháp, kỹ năng bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống gắn với phát triển kinh tế - xã hội, du lịch cộng đồng bền vững;

+ Cung cấp tài liệu tuyên truyền về xây dựng đời sống văn hóa cơ sở, phát triển văn hóa gia đình, thúc đẩy bình đẳng giới, phòng, chống bạo lực gia đình; phát huy giá trị văn hóa tốt đẹp của gia đình.

- Sản xuất phim tư liệu và sản phẩm truyền thông đa phương tiện:

+ Xây dựng, sản xuất phim tài liệu, phóng sự, video chuyên đề phản ánh đời sống văn hóa, các giá trị văn hóa truyền thống, gương điển hình trong bảo tồn và phát huy văn hóa truyền thống;

+ Ứng dụng công nghệ số trong sản xuất, lưu trữ, phổ biến phim tư liệu; từng bước hình thành kho dữ liệu số về văn hóa các dân tộc thiểu số.

- Nội dung tuyên truyền phát triển kinh tế - xã hội:

+ Giới thiệu tiềm năng, thế mạnh, thành tựu phát triển kinh tế, giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

+ Quảng bá các sản phẩm du lịch, mô hình sinh kế hiệu quả, góp phần nâng cao thu nhập và cải thiện đời sống của người dân.

- Ngôn ngữ và hình thức thể hiện:

+ Ấn phẩm, tài liệu, phim tư liệu được biên soạn, sản xuất bằng tiếng Việt; khuyến khích biên soạn bằng tiếng dân tộc thiểu số và một số ngôn ngữ quốc tế phù hợp để phục vụ nhu cầu đa dạng của đối tượng thụ hưởng và công tác quảng bá;

+ Bảo đảm hình thức thể hiện sinh động, dễ hiểu, phù hợp với trình độ tiếp nhận của cộng đồng.

- Tổ chức phát hành và cấp phát: Thực hiện cấp phát miễn phí hoặc hỗ trợ cấp phát đến các đối tượng thụ hưởng theo quy định; Kết hợp cấp phát trực tiếp với cung cấp trên môi trường số (thư viện điện tử, nền tảng số) nhằm mở rộng phạm vi tiếp cận.

- Yêu cầu thực hiện: Việc xây dựng, xuất bản và cấp phát ấn phẩm, phim tư liệu phải bảo đảm đúng định hướng chính trị, nội dung chuẩn xác, phù hợp thực tiễn, tránh trùng lặp, lãng phí; gắn kết chặt chẽ giữa bảo tồn văn hóa với công tác tuyên truyền, giáo dục, phát triển du lịch và nâng cao dân trí; đồng thời tuân thủ các quy định của pháp luật về xuất bản, báo chí, sở hữu trí tuệ và quản lý tài chính hiện hành.

11. Hỗ trợ đầu tư xây dựng điểm đến du lịch tiêu biểu vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

11.1. Đối tượng đầu tư và tham gia khai thác

Các điểm đến du lịch tiêu biểu tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, bao gồm:

- Điểm du lịch đã được cơ quan có thẩm quyền công nhận theo quy định của pháp luật về du lịch;

- Điểm du lịch chưa được công nhận nhưng có tài nguyên du lịch tự nhiên và văn hóa, có khả năng hình thành sản phẩm du lịch đặc trưng và phát triển bền vững, được xác định trong nghị quyết, chương trình, đề án, kế hoạch của tỉnh, thành phố.

- Các tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp, hợp tác xã hoạt động kinh doanh dịch vụ du lịch tại địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; và các cá nhân sinh sống ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số tham gia cung ứng dịch vụ du lịch, bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa tại các điểm đến du lịch khu vực đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Hộ gia đình, cộng đồng dân cư, đồng bào dân tộc thiểu số tham gia cung ứng dịch vụ du lịch, bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa tại các điểm đến du lịch khu vực đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

11.2. Nội dung thực hiện

Việc hỗ trợ đầu tư xây dựng điểm đến du lịch được triển khai đồng bộ, phù hợp với quy hoạch, bảo đảm phát huy giá trị tài nguyên, nâng cao chất lượng dịch vụ và trải nghiệm của du khách, gắn với bảo tồn văn hóa và phát triển bền vững. Nội dung cụ thể như sau:

- Đầu tư hạ tầng phục vụ du lịch: Hỗ trợ xây dựng, nâng cấp nhà trưng bày, không gian giới thiệu văn hóa và sản phẩm đặc trưng; trung tâm, điểm thông tin, hướng dẫn du lịch; nhà vệ sinh công cộng đạt chuẩn, phù hợp với điều kiện thực tế và đặc thù văn hóa địa phương; Xây dựng, cải tạo đường dạo nội bộ, hệ thống điện chiếu sáng và hạ tầng phục vụ tham quan, trải nghiệm.

- Xây dựng hệ thống chỉ dẫn và nhận diện điểm đến: Thiết kế, lắp đặt hệ thống biển chỉ dẫn, bảng thông tin, sơ đồ tuyến, điểm tham quan; biển chỉ dẫn tiếp cận và nội bộ điểm du lịch; biển hiệu đối với các hộ gia đình cung cấp dịch vụ; Xây dựng và triển khai hệ thống nhận diện thương hiệu điểm đến (biểu trưng, biển hiệu, nội dung giới thiệu).

- Trang thiết bị phục vụ hoạt động du lịch và trải nghiệm: Trang bị nhạc cụ, đạo cụ phục vụ biểu diễn nghệ thuật truyền thống; trang thiết bị phục vụ lưu trú, ăn uống, tổ chức hoạt động trải nghiệm văn hóa, du lịch cộng đồng; trang thiết bị phục vụ sơ cấp cứu ban đầu và bảo đảm an toàn cho khách tham quan, trải nghiệm tại điểm đến.

- Bảo vệ môi trường và cải tạo cảnh quan: Trang bị thùng rác công cộng, hệ thống thu gom, xử lý rác thải, nước thải phù hợp; hỗ trợ cải tạo, chỉnh trang cảnh quan, bảo tồn không gian văn hóa truyền thống; đầu tư hạ tầng kỹ thuật phục vụ vệ sinh môi trường và cảnh quan điểm đến.

- Bảo tồn và phát huy giá trị tài nguyên du lịch: Hỗ trợ sưu tầm, phục chế, phục dựng hiện vật, tư liệu văn hóa; phục dựng không gian văn hóa, tái hiện sinh hoạt truyền thống; làm giàu tài nguyên du lịch; Xây dựng, hoàn thiện các tuyến, điểm tham quan, trải nghiệm gắn với di sản văn hóa và đời sống cộng đồng.

11.3. Yêu cầu thực hiện

- Việc hỗ trợ đầu tư phải thực hiện theo dự án, đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt, bảo đảm phù hợp với quy hoạch phát triển du lịch, quy hoạch xây dựng nông thôn và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương;

- Bảo đảm tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về đầu tư công, xây dựng, đấu thầu, bảo vệ môi trường và quản lý di sản văn hóa;

- Ưu tiên sử dụng vật liệu thân thiện môi trường, kiến trúc phù hợp bản sắc văn hóa dân tộc; phát huy vai trò chủ thể của cộng đồng trong quản lý, vận hành và khai thác điểm đến;

- Gắn kết chặt chẽ giữa đầu tư hạ tầng với phát triển sản phẩm du lịch, nâng cao chất lượng dịch vụ và sinh kế bền vững cho người dân địa phương.

III. NỘI DUNG THÀNH PHẦN 05. CÔNG TÁC TRUYỀN THÔNG, TUYÊN TRUYỀN; ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN, CHUYỂN ĐỔI SỐ HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI

Nội dung 04: Thực hiện thông tin đối ngoại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Ưu tiên hiện đại hóa hệ thống thông tin, tuyên truyền, thông tin đối ngoại để đổi mới và nâng cao năng lực công tác thông tin tuyên truyền và thông tin đối ngoại, cung cấp nội dung thiết yếu, chuyên sâu, có ý nghĩa thực tiễn, lâu dài, có giá trị lan tỏa, phù hợp với tình hình thực tế và khả năng tiếp cận thông tin của nhân dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi khu vực biên giới nhằm góp phần xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển

1. Sản xuất nội dung phục vụ công tác thông tin, tuyên truyền và thông tin đối ngoại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

1.1. Đối tượng thực hiện

a) Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ tham gia thực hiện nhiệm vụ của Chương trình.

b) Các địa phương thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình.

c) Các cơ quan thông tấn, báo chí.

1.2. Nguyên tắc

- Nội dung phải phù hợp với chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước; gắn với thực hiện nhiệm vụ thông tin đối ngoại khu vực biên giới, có nội dung thiết yếu, chuyên sâu, có ý nghĩa thực tiễn, lâu dài, có giá trị lan tỏa; phù hợp với tình hình thực tế và khả năng tiếp cận thông tin của nhân dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi khu vực biên giới;

- Chú trọng ứng dụng công nghệ thông tin trong tổ chức sản xuất và phát hành các nội dung phục vụ công tác tuyên truyền, thông tin đối ngoại nhằm đưa chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đi vào cuộc sống của đồng bào nhanh và hiệu quả, đáp ứng yêu cầu của công tác thông tin đối ngoại trong tình hình mới; phù hợp với nhu cầu nhiều địa bàn, có thể sử dụng chung cho công tác thông tin tuyên truyền, thông tin đối ngoại khu vực biên giới.

- Tăng cường các nội dung thông tin bằng tiếng Việt, tiếng nước ngoài, ngôn ngữ các quốc gia có chung đường biên giới với Việt Nam, tiếng dân tộc, đặc biệt là ngôn ngữ đồng bào các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù, phù hợp với nhu cầu của công tác thông tin đối ngoại từng địa bàn nhằm cung cấp kịp thời, nhanh chóng thông tin thiết yếu đến người dân, qua đó, nâng cao niềm tin của đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đối với Đảng và Nhà nước; củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc; giữ vững an ninh, quốc phòng, chủ quyền biên giới quốc gia.

- Không trùng lặp với việc thực hiện nhiệm vụ của các chương trình, đề án khác sử dụng nguồn vốn nhà nước.

1.3. Nội dung phục vụ công tác thông tin, tuyên truyền và thông tin đối ngoại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

- Sản xuất mới các tác phẩm báo chí, sản phẩm thông tin, truyền thông nhằm cung cấp các nội dung thiết yếu, chuyên sâu, có ý nghĩa thực tiễn, lâu dài, có giá trị lan tỏa, phù hợp với tình hình thực tế và khả năng tiếp cận thông tin của nhân dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi khu vực biên giới nhằm góp phần xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển.

- Tuyên truyền chủ trương, đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước nhằm lan tỏa sâu rộng và kịp thời những chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, góp phần nâng cao nhận thức, hiểu biết của cộng đồng các dân tộc thiểu số và miền núi. Đồng thời, góp phần tạo sự đồng thuận giữa chính quyền địa phương, các lực lượng chức năng và đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi trong hoạt động bảo vệ chủ quyền biên giới, biển, đảo, củng cố hệ thống chính trị cơ sở, xây dựng thể trận lòng dân bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

- Tuyên truyền tăng cường giao lưu nhân dân biên giới với nước bạn là chiến lược cốt lõi, góp phần bảo vệ vững chắc chủ quyền an ninh biên giới quốc gia, xây dựng đường biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển: Phổ biến sâu rộng các Hiệp định, Hiệp nghị biên giới, quy chế quản lý biên giới đất liền giữa Việt Nam và các nước láng giềng; khẳng định lịch sử đoàn kết, gắn bó lâu đời giữa nhân dân hai bên biên giới; tuyên truyền các hoạt động thiết thực như giao lưu quốc phòng, kết nghĩa cụm dân cư, các hoạt động ngoại giao nhân dân, giao lưu văn hóa, thể dục, thể thao...; tăng cường các hoạt động xúc tiến đầu tư, du lịch, hợp tác thương mại, nâng cao đời sống cư dân biên giới, đặc biệt là cộng đồng các dân tộc thiểu số và miền núi.

- Tuyên truyền về thành tựu của Việt Nam trong việc bảo vệ và thúc đẩy quyền con người ở vùng đồng bào các dân tộc thiểu số và miền núi khu vực biên giới; tình hình tội phạm khu vực biên giới; tội phạm công nghệ cao để nâng cao cảnh giác, phòng ngừa cho đồng bào dân tộc thiểu số; đấu tranh với các thông tin, quan điểm sai trái, thù địch, lợi dụng không gian mạng và các vấn đề dân tộc, tôn giáo, dân chủ nhân quyền nhằm kích động ly khai ở các vùng dân tộc thiểu số, chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc ở khu vực biên giới; khẳng định quan điểm nhất quán của Đảng và Nhà nước Việt Nam về vấn đề dân tộc, đó là: "Các dân tộc bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng, giúp nhau cùng phát triển".

2. Tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ công tác thông tin tuyên truyền, thông tin đối ngoại cho người làm công tác thông tin đối ngoại khu vực biên giới

2.1. Đối tượng tham gia tập huấn, bồi dưỡng

a) Người làm công tác quản lý, người làm công tác thông tin đối ngoại cấp tỉnh, cấp xã có biên giới.

b) Lãnh đạo, phóng viên, biên tập viên các cơ quan thông tấn, báo chí Trung ương và địa phương.

c) Người phụ trách công, trang thông tin điện tử, thông tin đối ngoại của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã có biên giới.

d) Lực lượng Bộ đội Biên phòng, lực lượng quân đội khác, công an tại địa phương được phân công kiêm nhiệm, phụ trách thực hiện công tác thông tin đối ngoại khu vực biên giới.

đ) Già làng, trưởng bản, người có uy tín.

e) Các tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp, hợp tác xã hoạt động kinh doanh dịch vụ du lịch tại địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

2.2. Nội dung thực hiện

a) Xây dựng chương trình; biên soạn, số hóa, in, phát hành tài liệu phục vụ công tác bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ thông tin đối ngoại cho các lực lượng tham gia hoạt động thông tin đối ngoại khu vực biên giới.

b) Tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ tìm hiểu thực tế phục vụ công tác thông tin, tuyên truyền, thông tin đối ngoại nâng cao ý thức quốc gia và trách nhiệm bảo vệ biên giới Tổ quốc.

c) Tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ thông tin đối ngoại cho các đối tượng, bao gồm hình thức trực tuyến, trực tiếp hoặc kết hợp trực tuyến và trực tiếp. Thời gian tập huấn do các cơ quan chủ trì quyết định phù hợp với đối tượng, nội dung tập huấn; đảm bảo thiết thực, tiết kiệm, hiệu quả.

2.3. Triển khai thực hiện

a) Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với Bộ Dân tộc và Tôn giáo, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an thực hiện nhiệm vụ xây dựng chương trình, tài liệu bồi dưỡng, tập huấn để sử dụng chung cho các địa phương và tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng cho các đối tượng thuộc các bộ, ngành, cơ quan báo chí Trung ương quản lý, cán bộ công an cấp tỉnh, lực lượng bộ đội biên phòng và lực lượng quân đội khác được giao nhiệm vụ liên quan đến công tác thông tin đối ngoại vùng dân tộc thiểu số và miền núi khu vực biên giới.

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao cơ quan chuyên môn văn hóa cấp tỉnh thực hiện nhiệm vụ xây dựng chương trình, tài liệu theo yêu cầu đặc thù của địa phương; tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng cho các đối tượng ngoài đối tượng do Trung ương tổ chức tập huấn, bồi dưỡng đã quy định tại Điểm a Nhiệm vụ 02 Nội dung này.

3. Lòng ghép thông tin đối ngoại với các hoạt động giao lưu, xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch, giới thiệu về tiềm năng, thế mạnh, nét văn hóa đặc sắc của các tỉnh biên giới góp phần quảng bá hình ảnh đất nước

3.1. Cơ quan, tổ chức và cá nhân thực hiện

a) Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ tham gia thực hiện nhiệm vụ của Chương trình.

b) Các địa phương thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình.

c) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan trong triển khai thực hiện; thụ hưởng kết quả của nhiệm vụ thuộc Chương trình.

3.2. Nội dung thực hiện

a) Tổ chức các hoạt động thông tin, tuyên truyền, các chiến dịch truyền thông đa phương tiện đến đối tượng cộng đồng các dân tộc thiểu số và miền núi; các chương trình, sự kiện lồng ghép thông tin đối ngoại với các hoạt động giao lưu, xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch, văn hóa của các tỉnh biên giới với các tỉnh bạn có chung đường biên giới nhằm tăng cường mối quan hệ hữu nghị truyền thống với các quốc gia láng giềng; giới thiệu, quảng bá những thành tựu của đất nước đến nhân dân các nước láng giềng, tăng cường hợp tác kinh tế giữa các tỉnh biên giới.

b) Tổ chức các hình thức tuyên truyền, thông tin đối ngoại nhân các dịp kỷ niệm, các sự kiện quan trọng giữa Việt Nam với các quốc gia có chung đường biên giới.

c) Tổ chức giao lưu hữu nghị quốc phòng biên giới với các nước láng giềng; giao lưu với lực lượng bảo vệ biên giới các nước có chung đường biên giới.

3.3. Triển khai thực hiện

a) Các cơ quan trung ương, các địa phương căn cứ điều kiện thực tế xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ này phù hợp với chức năng, nhiệm vụ quản lý và các quy định của pháp luật.

b) Các cơ quan trung ương khi thực hiện nội dung này cần có sự phối hợp với các cơ quan và các địa phương liên quan để đảm bảo hiệu quả, tránh trùng lặp.

4. Thiết lập các cụm thông tin điện tử công cộng phục vụ thông tin, tuyên truyền, thông tin đối ngoại tại cửa khẩu biên giới và cung cấp nội dung thông tin phục vụ tuyên truyền ở các xã biên giới

4.1. Phạm vi địa bàn thực hiện

Các địa phương biên giới.

4.2. Nguyên tắc

- Thực hiện Kết luận số 57-KL/TW ngày 15/6/2023 của Bộ Chính trị về tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thông tin đối ngoại trong tình hình mới, trong đó nhấn mạnh: “*nâng cao hiệu quả hệ thống cụm thông tin đối ngoại ở cửa khẩu, biên giới*”.

- Hiện đại hóa hệ thống thông tin, tuyên truyền, thông tin đối ngoại trên toàn tuyến biên giới nhằm bảo đảm hoàn thiện hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ công tác thông tin đối ngoại.

- Cung cấp trang thiết bị hiện đại nhằm đổi mới và nâng cao năng lực công tác thông tin, tuyên truyền, thông tin đối ngoại cho các địa phương biên giới, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Kết nối đồng bộ hệ thống thông tin cơ sở với hệ thống thông tin đối ngoại từ Trung ương đến cấp cơ sở.

4.3. Tiêu chí lựa chọn, ưu tiên

- Địa điểm thiết lập các cụm thông tin điện tử: Tại khu vực cửa khẩu quốc tế/quốc gia đường bộ, đường biển, đường sắt; khu vực nhà chờ cửa khẩu quốc tế đường bộ, đường sắt; trung tâm giao thương tại các địa phương biên giới nhằm tăng cường tiếp cận thông tin cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, biên giới và hải đảo.

- Địa điểm thiết lập phải có đủ điều kiện về không gian vị trí xây dựng, lắp đặt, phát huy được hiệu quả thông tin, tuyên truyền, thông tin đối ngoại của cụm thông tin điện tử sau khi thiết lập.

4.4. Nội dung thực hiện

a) Thiết lập mới cụm thông tin điện tử tại các cửa khẩu biên giới chưa có cụm thông tin điện tử; sửa chữa, thay thế thiết bị hư hỏng đối với cụm thông tin điện tử đã thiết lập trước đây bằng nguồn vốn nhà nước để đảm bảo yêu cầu của công tác thông tin, tuyên truyền, thông tin đối ngoại.

b) Kết cấu cụm thông tin điện tử bao gồm hệ thống các thiết bị điện tử màn hình cỡ lớn (có bộ máy tính hoặc bộ xử lý chuyên dụng để điều khiển, quản lý nội dung, đồng bộ hiển thị và thiết bị phụ trợ kèm theo), được lắp đặt cố định tại địa điểm thiết lập.

c) Số lượng màn hình (01 mặt, 02 mặt, 03 mặt, 04 mặt) và diện tích màn hình được xác định tùy theo yêu cầu thực tế của địa phương, phù hợp với vị trí lắp đặt và hiệu quả thông tin, tuyên truyền, thông tin đối ngoại:

Màn hình cỡ lớn được lắp đặt cố định trên trụ đỡ hoặc treo trên khung giàn (tùy theo vị trí lắp đặt), đảm bảo an toàn về thiết bị và thực hiện theo quy định của pháp luật liên quan; an toàn, an ninh thông tin cho hệ thống máy tính, phần mềm điều khiển và hệ thống kết nối truyền dẫn tới đơn vị quản lý nội dung thông tin.

d) Cung cấp nội dung thông tin phục vụ tuyên truyền ở các xã biên giới:

- Sản xuất và cung cấp sản phẩm thông tin, tuyên truyền, thông tin đối ngoại dùng chung toàn quốc hoặc khu vực để phổ biến, tuyên truyền trên hệ thống cụm thông tin điện tử bằng tiếng Việt; tiếng nước ngoài, tiếng dân tộc thiểu số (nếu có);

- Sản xuất và cung cấp nội dung thông tin, tuyên truyền, thông tin đối ngoại theo yêu cầu đặc thù của địa phương để phổ biến, tuyên truyền trên hệ thống cụm thông tin điện tử bằng tiếng Việt; tiếng nước ngoài, tiếng dân tộc thiểu số (nếu có).

đ) Quản lý khai thác, duy trì, vận hành các cụm thông tin điện tử công cộng phục vụ thông tin, tuyên truyền, thông tin đối ngoại tại khu vực cửa khẩu quốc tế/quốc gia đường bộ, đường biển, đường sắt; khu vực nhà chờ cửa khẩu quốc tế đường bộ, đường sắt; trung tâm giao thương: bao gồm công tác bảo quản, bảo vệ an toàn hệ thống thiết bị, sửa chữa thường xuyên, duy trì hoạt động, đăng phát các sản phẩm thông tin trên cụm thông tin điện tử.

4.5. Triển khai thực hiện

a) Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chịu trách nhiệm:

- Phối hợp với các địa phương tổ chức rà soát kế hoạch thực hiện nhiệm vụ và tổng hợp vào kế hoạch thực hiện Nội dung;

- Tổ chức sản xuất và cung cấp sản phẩm thông tin, tuyên truyền nêu tại Điểm c Nhiệm vụ 4 Nội dung này;

- Hướng dẫn các địa phương về công tác thông tin, tuyên truyền trên cụm thông tin điện tử.

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm:

- Chỉ đạo Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan ở địa phương, Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, thành phố khảo sát nhu cầu, khả năng bố trí địa điểm lắp đặt cụm thông tin điện tử và lập kế hoạch thực hiện (cả giai đoạn và chi tiết theo từng năm) gửi Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổng hợp, theo dõi thực hiện nhiệm vụ. Nội dung kế hoạch gồm:

- + Hiện trạng thông tin, tuyên truyền tại cửa khẩu quốc tế và sự cần thiết thiết lập cụm thông tin điện tử phục vụ công tác thông tin, tuyên truyền;

- + Địa điểm, quy mô thực hiện;

- + Phương án quản lý, vận hành, khai thác, duy trì cụm thông tin điện tử;

- + Nguồn kinh phí thực hiện (bao gồm vốn đối ứng của địa phương); phương án đảm bảo nguồn kinh phí duy trì, vận hành cụm thông tin điện tử;

- + Phương án tổ chức sản xuất nội dung thông tin, tuyên truyền nêu tại Điểm c Nhiệm vụ 4 Nội dung này;

- + Thời gian triển khai, hoàn thành đưa vào sử dụng;

- + Phân công, phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị ở địa phương trong quản lý khai thác, duy trì, vận hành cụm thông tin điện tử sau khi thiết lập;

- + Phân tích hiệu quả thông tin, tuyên truyền, thông tin đối ngoại của việc lắp đặt cụm thông tin điện tử.

- Tổ chức thực hiện thiết lập cụm thông tin điện tử theo quy định của pháp luật.

- Chỉ đạo, giao Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức sản xuất, biên tập nội dung thông tin, tuyên truyền và phổ biến, tuyên truyền trên cụm thông tin điện tử phục vụ nhiệm vụ thông tin, tuyên truyền của địa phương; thẩm định nội dung đăng phát trên cụm thông tin điện tử; phối hợp với các cơ quan liên quan tại địa phương xây dựng và trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành Quy chế quản lý, vận hành cụm thông tin điện tử, trong đó quy định rõ trách nhiệm quản lý an toàn cơ sở vật chất, kinh phí hoạt động, đảm bảo an toàn nội dung thông tin, tuyên truyền trên cụm thông tin điện tử (theo mẫu tại Phụ lục 03 kèm theo Hướng dẫn này); kiểm tra, giám sát, phát huy hiệu quả hệ thống thiết bị đã được đầu tư.

- Bố trí kinh phí cho công tác duy trì, sửa chữa, khai thác, vận hành cụm thông tin điện tử theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

5. Trang bị hệ thống thiết bị thông tin cho các đồn biên phòng phục vụ công tác thông tin, tuyên truyền, thông tin đối ngoại tại các xã biên giới, hải đảo

5.1. Đối tượng hỗ trợ

Các đồn Biên phòng trên toàn tuyến biên giới.

5.2. Nguyên tắc

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, nâng cao năng lực theo hướng hiện đại hóa trang thiết bị, phương tiện, bảo đảm năng lực cho lực lượng quân đội chuyên trách bảo vệ biên giới triển khai hiệu quả công tác tuyên truyền, thông tin đối ngoại trong tình hình mới.

- Đảm bảo phục vụ hoạt động thông tin, tuyên truyền, nâng cao khả năng tiếp cận cho người dân các xã biên giới; vận động nhân dân thực hiện chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước, vươn lên giảm nghèo, xây dựng và bảo vệ an ninh biên giới; đấu tranh phản bác các thông tin sai lệch về các vấn đề dân chủ nhân quyền, dân tộc tôn giáo, chủ quyền biên giới, biển, đảo quốc gia.

5.3. Tiêu chí lựa chọn, ưu tiên

Hỗ trợ trang bị thiết bị thông tin, tuyên truyền, thông tin đối ngoại cho các đồn biên phòng đóng tại các xã biên giới có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, biên giới và hải đảo.

5.4. Nội dung thực hiện

Hỗ trợ trang bị thiết bị thông tin, tuyên truyền, thông tin đối ngoại cho các đồn biên phòng.

a) Kết cấu, quy mô và yêu cầu kỹ thuật hệ thống thiết bị thông tin:

- Hệ thống thiết bị thông tin gồm: Các thiết bị phục vụ nghe, nhìn và các thiết bị khác đảm bảo hoạt động thông tin, tuyên truyền trong điều kiện địa hình khó khăn, phức tạp ở khu vực biên giới, hải đảo;

- Căn cứ nhu cầu thực tế về công tác thông tin, tuyên truyền, Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng đề xuất danh mục, yêu cầu kỹ thuật đối với thiết bị cần được trang bị báo cáo Bộ Quốc phòng thống nhất và gửi Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xem xét, tổng hợp kế hoạch thực hiện.

5.5. Triển khai thực hiện

a) Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chịu trách nhiệm:

- Phối hợp với Bộ Quốc phòng, Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng rà soát, tổng hợp kế hoạch thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ và theo dõi thực hiện;

- Hỗ trợ, cung cấp các sản phẩm thông tin, tuyên truyền cho Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng để thực hiện công tác thông tin, tuyên truyền.

b) Bộ Quốc phòng chịu trách nhiệm:

- Chỉ đạo Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng rà soát, xác định nhu cầu được hỗ trợ trang thiết bị, xây dựng kế hoạch thực hiện (chi tiết theo từng năm) báo cáo Bộ Quốc phòng xem xét, gửi Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổng hợp; chỉ đạo Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng các tỉnh, thành phố tổ chức triển khai thực hiện theo quy định.

Kế hoạch thực hiện gồm các nội dung: Hiện trạng và sự cần thiết trang bị phương tiện phục vụ công tác thông tin, tuyên truyền khu vực biên giới, hải đảo cho các đồn biên phòng; địa điểm, danh mục phương tiện cần trang bị; nguồn kinh phí; tổ chức thực hiện; công tác phối hợp với các cơ quan, đơn vị ở địa phương; phương án khai thác, vận hành phương tiện, thiết bị được hỗ trợ.

- Chỉ đạo Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng các tỉnh, thành phố xây dựng, ban hành hướng dẫn quản lý, sử dụng hệ thống thiết bị được hỗ trợ và kiểm tra, giám sát việc quản lý khai thác, sử dụng các thiết bị đúng mục đích, an toàn, hiệu quả.

c) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: Chỉ đạo Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao và Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng các tỉnh, thành phố, các cơ quan báo chí, các cơ quan liên quan tại địa phương phối hợp trong công tác thông tin, tuyên truyền, thông tin đối ngoại tại khu vực biên giới, hải đảo.

(Nội dung bao gồm các Phụ lục đính kèm).

Phần thứ tư

CƠ CHẾ TÀI CHÍNH; THEO DÕI, KIỂM TRA, GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ VÀ BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN

I. CƠ CẤU NGUỒN VỐN VÀ CƠ CHẾ QUẢN LÝ

1. Cơ cấu nguồn vốn thực hiện

1.1. Vốn đầu tư phát triển

Bố trí vốn đầu tư phát triển thực hiện các nội dung nhiệm vụ, gồm:

1.1.1. Nội dung 04, Nội dung thành phần 01, Hợp phần thứ hai:

a) Bảo tồn và phát huy không gian văn hóa làng, bản, buôn, phum, sóc... (Làng, bản, buôn) văn hoá truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số;

b) Phục hồi, bảo tồn, phát huy giá trị các công trình kiến trúc tiêu biểu của các dân tộc thiểu số;

c) Đầu tư xây dựng, cải tạo thiết chế văn hóa, thể thao tại các thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

d) Tu bổ, tôn tạo, chống xuống cấp các di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia có giá trị tiêu biểu vùng đồng bào dân tộc thiểu số;

đ) Xây dựng mô hình bảo tàng sinh thái vùng đồng bào dân tộc thiểu số;

e) Hỗ trợ đầu tư xây dựng điểm đến du lịch tiêu biểu vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

1.1.2. Nội dung 04, Nội dung thành phần 05, Hợp phần thứ hai:

a) Thiết lập các cụm thông tin điện tử công cộng phục vụ thông tin, tuyên truyền, thông tin đối ngoại tại cửa khẩu biên giới và cung cấp nội dung thông tin phục vụ tuyên truyền ở các xã biên giới;

b) Trang bị hệ thống thiết bị thông tin cho các đồn biên phòng phục vụ công tác thông tin, tuyên truyền, thông tin đối ngoại tại các xã biên giới, hải đảo

1.2. Kinh phí thường xuyên

Bố trí kinh phí thường xuyên thực hiện các nội dung nhiệm vụ, gồm:

1.2.1. Nội dung 09, Nội dung thành phần 02, Hợp phần thứ nhất:

Hiện đại hóa hệ thống truyền thanh xã để cung cấp thông tin thiết yếu đến người dân (bao gồm thiết lập mới đài truyền thanh xã; nâng cấp hoạt động của đài truyền thanh xã; mở rộng cụm thu phát thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông đối với các thôn). Tập trung, ưu tiên hỗ trợ đầu tư cho các xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, an toàn khu, biên giới và hải đảo;

1.2.2. Nội dung 06, Nội dung thành phần 02, Hợp phần thứ hai:

a) Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ liên quan đến các nội dung hỗ trợ của Dự án; tổ chức truyền dạy văn hóa phi vật thể;

b) Khôi phục, bảo tồn và phát triển văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số có khó khăn đặc thù;

c) Nghiên cứu, tổ chức khôi phục, thực hành, trình diễn, trưng bày, giới thiệu về văn hóa phi vật thể và các môn thể thao truyền thống của các dân tộc thiểu số có nguy cơ mai một; bảo vệ tiếng nói, chữ viết của các dân tộc thiểu số;

d) Bảo tồn, phát huy lễ hội truyền thống của các dân tộc thiểu số; Phục hồi, phát huy lễ hội truyền thống của cộng đồng các dân tộc vùng ven biển góp phần đa dạng hóa các sản phẩm du lịch biển, ven biển;

đ) Xây dựng các mô hình: trải nghiệm, tìm hiểu văn hoá truyền thống; văn hoá cơ sở phù hợp với điều kiện từng vùng, miền, phong tục, tập quán của địa phương; bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể để phát triển cộng đồng gắn với phát triển du lịch; bảo tồn, phát huy các môn thể thao truyền thống vùng đồng bào dân tộc thiểu số;

e) Hỗ trợ hoạt động của các câu lạc bộ văn hóa dân gian, câu lạc bộ thực hành di sản văn hóa, đội văn nghệ truyền thống tại các thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng di dân tái định cư;

g) Hỗ trợ xây dựng tủ sách cộng đồng cho các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số;

h) Tổ chức Ngày hội, giao lưu, liên hoan về các loại hình văn hóa, nghệ thuật truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số; Hội thi các môn thể thao dân tộc;

i) Tổ chức tuyên truyền, giới thiệu, quảng bá rộng rãi giá trị văn hóa truyền thống tiêu biểu của các dân tộc thiểu số; chương trình quảng bá, xúc tiến du lịch tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

k) Xây dựng nội dung, xuất bản sách, phim tư liệu về văn hóa truyền thống đồng bào dân tộc thiểu số để cấp phát cho cộng đồng các dân tộc thiểu số;

l) Đầu tư trang thiết bị tại các thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

1.2.3. Nội dung 04, Nội dung thành phần 05, Hợp phần thứ hai:

a) Sản xuất nội dung phục vụ công tác thông tin, tuyên truyền và thông tin đối ngoại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

b) Tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ công tác thông tin tuyên truyền, thông tin đối ngoại cho người làm công tác thông tin đối ngoại khu vực biên giới;

c) Lồng ghép thông tin đối ngoại với các hoạt động giao lưu, xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch, giới thiệu về tiềm năng, thế mạnh, nét văn hóa đặc sắc của các tỉnh biên giới góp phần quảng bá hình ảnh đất nước;

1.3. Nguồn vốn huy động hợp pháp

a) Vốn tín dụng chính sách xã hội: Bố trí vốn ngân sách nhà nước theo khả năng cân đối và huy động tối đa các nguồn lực để thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi cho các đối tượng thuộc phạm vi đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định hiện hành..

b) Vốn huy động, thu hút từ doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân để thực hiện nội dung của chương trình mục tiêu quốc gia, trong đó ưu tiên các dự án đầu tư xây dựng, hoàn thiện thiết chế văn hóa, thể thao; tu bổ, tôn tạo, chống xuống cấp các di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia có giá trị tiêu biểu của các dân tộc thiểu số; bảo tồn không gian văn hóa làng, bản, buôn truyền thống gắn với phát triển du lịch cộng đồng; đầu tư xây dựng điểm đến du lịch tiêu biểu vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các hoạt động khác thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư.

c) Huy động nguồn đóng góp tự nguyện của doanh nghiệp, tổ chức và người dân bằng tiền, hiện vật hoặc ngày công lao động để thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia trên tinh thần tự nguyện, công khai, minh bạch, rõ trách nhiệm giải trình theo quy định của pháp luật.

2. Cơ chế quản lý và tổ chức thực hiện

Việc quản lý nguồn vốn và tổ chức thực hiện Chương trình tuân thủ nghiêm ngặt các quy định tại: Luật Đầu tư công; Nghị quyết số 257/2025/QH15 của Quốc hội; Quyết định số 417/QĐ-BNNMT; Quyết định số 16/2026/QĐ-TTg ngày 15/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương; và Nghị định số 358/2025/NĐ-CP và các quy định của pháp luật hiện hành.

3. Cơ chế, chính sách áp dụng đối với Chương trình

Thực hiện theo tiểu mục 1 phần V Chương trình mục tiêu quốc gia ban hành theo Quyết định số 417/QĐ-BNNMT; hướng dẫn của Bộ Tài chính về quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026-2035, giai đoạn 1 (2026-2030) và các quy định của pháp luật hiện hành.

II. KIỂM TRA, GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

1. Công tác theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá và chế độ báo cáo kết quả thực hiện các nội dung thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 358/2025/NĐ-CP và các quy định pháp luật có liên quan.

2. Các bộ, ngành, cơ quan trung ương và Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm tổ chức theo dõi tiến độ thực hiện; kiểm tra việc triển khai các nhiệm vụ, dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần thuộc Chương trình theo phạm vi quản lý.

3. Việc đánh giá thực hiện Chương trình được tiến hành định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền, bảo đảm khách quan, toàn diện, kịp thời phục vụ công tác quản lý, điều hành và hoàn thiện chính sách.

4. Các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất theo quy định; gửi cơ quan chủ trì nội dung thành phần thuộc Chương trình để tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định.

5. Cơ quan, đơn vị và địa phương có liên quan chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ, kịp thời của số liệu, thông tin báo cáo và kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao

Phần thứ năm TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

1. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức triển khai các nội dung, nhiệm vụ thuộc phạm vi quản lý của Bộ theo phân công tại Chương trình; **giao Cục Văn hóa các dân tộc Việt Nam** là cơ quan đầu mối tham mưu, chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức thực hiện, cụ thể như sau:

- Chủ trì xây dựng, ban hành theo thẩm quyền văn bản hướng dẫn thực hiện; hướng dẫn các địa phương tổ chức triển khai bảo đảm thống nhất, đồng bộ với mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình;

- Chủ trì tổng hợp mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, nhu cầu kinh phí và phương án phân bổ nguồn lực thuộc phạm vi quản lý; rà soát đối tượng, địa bàn, nội dung thực hiện bảo đảm đúng mục tiêu, đúng đối tượng, tránh trùng lặp, chồng chéo với các chương trình, dự án khác;

- Tổ chức theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện; tổng hợp khó khăn, vướng mắc, kịp thời đề xuất cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách và giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện Chương trình.

- Giao các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ tổ chức thực hiện các nội dung, nhiệm vụ thuộc Chương trình, gồm: khôi phục, bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống của các dân tộc thiểu số có khó khăn đặc thù; nghiên cứu, sưu tầm, phục dựng, bảo tồn và tổ chức thực hành các giá trị văn hóa phi vật thể có nguy cơ mai một; hỗ trợ bảo tồn lễ hội truyền thống; xây dựng các mô hình bảo tồn

văn hóa truyền thống, mô hình bảo tàng sinh thái phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương; tổ chức tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ, hội nghị, hội thảo khoa học; triển khai các hoạt động thông tin, tuyên truyền, quảng bá giá trị văn hóa truyền thống và thực hiện các nhiệm vụ khác thuộc phạm vi quản lý nhà nước trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch nhằm tổng kết thực tiễn, phục vụ hoàn thiện cơ chế, chính sách, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc và bảo đảm thực hiện hiệu quả các mục tiêu, chỉ tiêu của Chương trình;

- Tổng hợp, cập nhật tình hình triển khai và kết quả thực hiện; định kỳ báo cáo Chính phủ, các bộ, ngành liên quan; tổ chức sơ kết, tổng kết toàn quốc; biểu dương, khen thưởng các tập thể, cá nhân tiêu biểu.

2. Vụ Kế hoạch, Tài chính

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu phương án phân bổ kế hoạch vốn ngân sách trung ương giao cho các đơn vị thuộc Bộ để thực hiện Chương trình; hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý, sử dụng kinh phí bảo đảm đúng quy định của pháp luật.

3. Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Cục Du lịch Quốc gia Việt Nam; Cục Thể dục thể thao Việt Nam; Cục Di sản văn hóa; Cục Văn hóa cơ sở, Gia đình và Thư viện; Cục Thông tin cơ sở và Thông tin đối ngoại; Cục Báo chí; Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử; Cục Xuất bản, In và Phát hành và các đơn vị liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm:

- Xây dựng kế hoạch triển khai hằng năm và theo giai đoạn đối với các nhiệm vụ được phân công;

- Phối hợp với Cục Văn hóa các dân tộc Việt Nam rà soát, thống nhất nội dung chuyên môn trước khi tổ chức thực hiện;

- Hướng dẫn địa phương triển khai các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực quản lý; bảo đảm hiệu quả, đúng mục tiêu và đúng quy định của pháp luật;

- Phối hợp kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện và báo cáo theo quy định.

II. ĐỀ NGHỊ ỦY BAN NHÂN DÂN CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ

Để đảm bảo triển khai hiệu quả Chương trình theo Quyết định số 417/QĐ-BNNMT, đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố quan tâm, chỉ đạo các cơ quan chuyên môn thực hiện các nội dung sau theo thẩm quyền:

1. Tổ chức triển khai thực hiện Chương trình trên địa bàn theo đúng mục tiêu, nhiệm vụ, nội dung và quy định của pháp luật; phân công cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh làm đầu mối tham mưu, chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện trên địa bàn.

2. Thực hiện phân cấp, phân công trách nhiệm cụ thể cho các cơ quan và chính quyền địa phương theo nguyên tắc “địa phương quyết định, địa phương thực hiện, địa phương chịu trách nhiệm” theo quy định tại Nghị định số 358/2025/NĐ-CP.

3. Ban hành kế hoạch trung hạn và hằng năm; bố trí nguồn lực, vốn đối ứng theo quy định; thực hiện lồng ghép hiệu quả các nguồn vốn hợp pháp để triển khai Chương trình.

4. Căn cứ điều kiện thực tế của địa phương, chủ động ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành cơ chế, chính sách đặc thù nhằm bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số.

5. Chỉ đạo triển khai các nhiệm vụ, dự án, nội dung thành phần bảo đảm tiến độ, chất lượng, đúng đối tượng, tránh trùng lặp nội dung, nhiệm vụ giữa các chương trình mục tiêu quốc gia, dàn trải và nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực.

6. Tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện; phát huy vai trò chủ thể của cộng đồng theo phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát và dân thụ hưởng”.

7. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất theo quy định; gửi Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch để tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền.

III. HIỆU LỰC THI HÀNH

1. Hướng dẫn này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành. Các nội dung hướng dẫn tại văn bản này được áp dụng thống nhất để tổ chức triển khai các nhiệm vụ thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030.

2. Đối với các dự án, nhiệm vụ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và đang triển khai thực hiện trước ngày Hướng dẫn này có hiệu lực: Tiếp tục thực hiện theo quyết định đã phê duyệt nếu phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và không trái với các nguyên tắc tại Hướng dẫn này; trường hợp có nội dung khác biệt, các cơ quan, đơn vị, địa phương chủ động rà soát, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, điều chỉnh để đảm bảo tính đồng bộ và hiệu quả

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn trong Hướng dẫn này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì thực hiện theo quy định tại các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế tương ứng.

4. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời phản ánh về Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (qua Cục Văn hóa các dân tộc Việt Nam) để tổng hợp, hướng dẫn hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Thứ trưởng;
- Bộ Nông nghiệp và môi trường;
- Bộ Dân tộc và Tôn giáo;
- UBND các tỉnh, thành phố;
- Các Sở: VHTTDL, VH TT, DL;
- Các Cục, Vụ thuộc Bộ;
- Lưu: VT, VHDTV.N. NHM(80).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Trịnh Thị Thủy